

Số: 144 /2021/CBTT-LG9

Biên Hòa, ngày 08 tháng 06 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

Địa chỉ: Số 02, Đường số 01, KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 684 576

Fax: 02513 684 570

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 trân trọng thông báo về việc Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 29/06/2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/06/2021 tại đường dẫn: <http://www.licogi9.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:**

- Thông báo mời họp,
- Chương trình họp.
- Tài liệu sử dụng trong cuộc họp.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



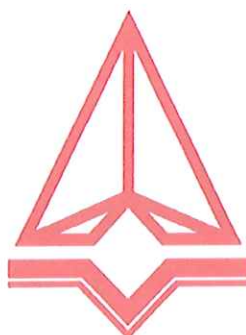
Phan Thanh Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021



LICOGI 9

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9

Biên Hòa, tháng 06/2021



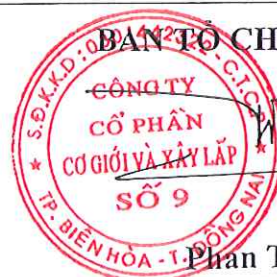
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9
Trụ sở chính: Số 02, Đường số 01, KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 02513 684 576 Fax: 02513 684 570

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 08h30 ngày 29 tháng 06 năm 2021

Địa điểm: Số 35, Đường số 2, KP4, P. An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h30 – 09h00	- Đón tiếp khách mời, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu. - Kiểm tra tư cách cổ đông.
09h00 – 09h10	- Chào cờ - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, khai mạc đại hội. - Giới thiệu đại biểu tham dự và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
09h10 – 09h20	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
09h20 – 09h30	Thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết. Thông qua chương trình, quy chế tổ chức và biểu quyết của Đại hội.
09h30 – 09h35	Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021
09h35 – 09h45	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
09h45 – 09h50	Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020
09h50 – 10h00	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020
10h00 – 10h25	- Tờ trình phê duyệt Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2021; - Tờ trình phê duyệt thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021; - Tờ trình Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021; - Tờ trình Thông qua dự thảo Thay đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo luật doanh nghiệp năm 2020; - Tờ trình Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động HĐQT, BKS và Quy chế nội bộ Công ty; - Các nội dung khác (nếu có).
10h25 – 10h40	Nghỉ giải lao
10h40 – 10h45	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình đã trình bày tại Đại hội.
10h45 – 10h55	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội
10h55 – 11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội



Phan Thanh Hải

Đồng Nai, ngày 08 tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 29/06/2021 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Công ty) (Sau đây gọi là “Đại hội”).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật Doanh nghiệp năm 2020”);
2. Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 được Đại hội đồng cổ đông của LG9 thông qua theo Nghị quyết số/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức dưới hình thức đại hội trực tuyến để thực hiện các quyền biểu quyết của mình.
2. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc cổ đông/người đại diện theo ủy quyền kết nối Internet và thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
3. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
4. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
5. “**Xác thực**” là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.
6. “**Bầu dồn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
7. “**Bầu ghi số**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện.
8. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 5. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác có liên quan và phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - a) Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;
 - b) Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội;
2. Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - a) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Việc đăng ký dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được Công ty hướng dẫn cụ thể trong thông báo mời họp;
 - b) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Ban Chủ tọa cho phép;
 - c) Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị quyết định trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp của Giấy ủy quyền của cổ đông;
2. Kiểm tra tư cách cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và tình hình cổ đông/người đại diện cổ đông dự họp;
3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Ban Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Ban Chủ tọa, Đại hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa và Ban Thư ký

1. Ban Chủ tọa do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội;
2. Quyết định của Ban Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Ban Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;

4. Ban Chủ tọa có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
5. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để họp Đại hội.

Điều 11. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến sẽ diễn ra trong buổi sáng ngày 29/06/2021.
2. Hình thức đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử thông qua Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể trong *Quy chế hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử* tại Phụ lục I Quy chế này.
3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, thì việc thông báo mời họp Đại hội lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Đại hội lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp Đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thông báo mời họp Đại hội lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Đại hội lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 13. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến cổ đông của tất cả cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp Đại hội. Mỗi vấn đề biểu quyết có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà cổ đông sở hữu/người đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) các vấn đề trong chương trình Nghị sự tại Đại hội thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân thủ theo quy định tại *Quy chế hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử* tại Phụ lục I Quy chế này.

Điều 15. Thể lệ biểu quyết

1. Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết của

mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đại diện được đại diện tham dự họp theo đăng ký tham dự Đại hội.

2. Các vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các vấn đề được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Chương V

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Biên bản họp Đại hội

Nội dung họp Đại hội phải được lập thành Biên bản. Biên bản họp Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc họp Đại hội, Biên bản có chữ ký của Ban Chủ tọa và Ban Thư ký. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để ban hành các Nghị quyết của Đại hội.

Chương VI

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 17 Điều, 01 Phụ lục và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải



PHỤ LỤC I: QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Công ty).

Điều 2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham dự:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty hoặc được ủy quyền hợp lệ tham dự cuộc họp;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm nhưng không giới hạn: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

2. Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được cung cấp một và chỉ một tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.
- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại thông tin cá nhân, tối thiểu bao gồm: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức. Công ty có thể gửi thông tin tên đăng nhập và mật khẩu để cổ đông tham dự và biểu quyết như đã đề cập tại Khoản 3 Điều này cho cổ đông thông qua hòm thư điện tử hoặc hình thức khác theo thông tin đăng ký của cổ đông.
- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định luật hiện hành. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi nhận được ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để đại diện theo ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Công ty cung cấp thông tin đăng nhập cho đại diện được ủy quyền theo thông tin ủy quyền do cổ đông cung cấp và được thực hiện như hình thức gửi thông báo mời họp cho các cổ đông (thông qua thư mời/ hòm thư điện tử/ số điện thoại). Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Công ty.

Điều 3. Cung cấp thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong Thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Công ty quy định). Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Cổ

- đồng/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.
 3. Công ty khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
2. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết quả bỏ phiếu của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nếu như nguyên nhân là do Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Điều 5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được tính là dự họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức tham dự trực tuyến tại thời điểm Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông báo cáo kết quả công khai tại Đại hội là Cổ đông và đại diện được ủy quyền đã biểu quyết ít nhất một nội dung trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Thực hiện Ủy quyền

1. Cổ đông có thể ủy quyền theo quy định tại Điều 5. Quy định Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội tại Quy chế tổ chức Đại hội.
2. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền của Công ty.
 - Giấy ủy quyền theo mẫu ủy quyền có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.
3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã được phê duyệt ủy quyền: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
4. Hủy bỏ ủy quyền không có hiệu lực nếu người đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết với bất kỳ vấn đề nào của nội dung trong Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

2322
TY
VN
ÁY LA
ĐÓN

Điều 7. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Ban Chủ tọa điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đối với Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và các đại diện được ủy quyền có thể đặt câu hỏi trực tiếp hoặc gửi câu hỏi về doanh nghiệp thông qua kênh trực tuyến mà Công ty lựa chọn để tổ chức hội nghị hoặc hình thức khác được Công ty hướng dẫn trong Thông báo mời họp. Ban Thư ký có trách nhiệm lưu lại tên Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, mã Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) và nội dung câu hỏi.

Điều 8. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền truy cập và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
2. **Biểu quyết:** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết tại một lần biểu quyết, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.
3. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể tiến hành biểu quyết bổ sung. Nếu các Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không tiến hành biểu quyết bổ sung thì được coi là không biểu quyết với những nội dung này.
4. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 9. Cách thức kiểm phiếu điện tử

Biểu quyết: Phiếu biểu quyết của mỗi Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đều được hệ thống ghi nhận theo: số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

Điều 10. Các sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác... Công ty huy động tối đa mọi nguồn lực để khắc phục các sự cố và đại hội có thể tiếp tục diễn ra, nhưng không quá 60 phút kể từ thời điểm gặp sự cố.
2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.





CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **LG9.xxxxxx**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: ... cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ... cổ phần



LICOGI 9



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



393984

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: LG9.xxxxxx

Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A
Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung: Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và Ban kiểm phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung: Thông qua Chương trình đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung: Thông qua Quy chế làm việc tại đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



393985

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: LG9.xxxxxx

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05: Thông qua Tờ trình phê duyệt Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06: Thông qua Tờ trình phê duyệt thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07: Thông qua Tờ trình Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09: Thông qua dự thảo Thay đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo luật doanh nghiệp năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động HĐQT, BKS và Quy chế nội bộ Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



LICOGI



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021



393986

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: LG9.xxxxxx

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ... cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung: Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:
Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021

ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9

Trụ sở chính: Số 02, Đường số 01, KCN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 02513 684 576 Fax: 02513 684 570

HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9

Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (LG9) xin gửi tới các Quý cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Hướng dẫn đăng nhập, tham dự, biểu quyết và bầu cử trên Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử EzGSM được cung cấp bởi Công ty cổ phần Chứng khoán FPT như sau:

1. Đăng nhập vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Để tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9, quý cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông vui lòng truy cập vào website <https://ezgsm.fpts.com.vn> và đăng nhập vào hệ thống theo thông tin đã được gửi trong Thông báo thay đổi hình thức và thời gian họp đã được gửi cho Quý cổ đông.

HOTLINE: 19006446




Tên đăng nhập

Mật khẩu

Đăng nhập

Quên mật khẩu | Trợ giúp

Để sử dụng giao diện tiếng Anh, quý cổ đông vui lòng nhấn vào biểu tượng  (biểu tượng góc trên cùng bên phải).

Trường hợp quên mật khẩu truy cập, cổ đông nhấn “**Quên mật khẩu**”, nhập Tên đăng nhập và địa chỉ email (Email đã đăng ký với LG9 – trường hợp chưa lưu ký cổ phiếu hoặc đã đăng ký tại Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký cổ phiếu LG9). Mật khẩu truy cập vào hệ thống sẽ được gửi đến cổ đông thông qua địa chỉ email hợp lệ. Trường hợp cổ đông chưa đăng ký địa chỉ email, vui lòng liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ lấy lại thông tin đăng nhập.



2. Đổi mật khẩu

Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 khuyến nghị Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi nhận được thông tin đăng nhập, bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

[TRANG CHỦ](#)
[BIỂU QUYẾT - BẦU CỬ](#)
[ỦY QUYỀN](#)
[TÀI LIỆU ĐẠI HỘI](#)
[LIVESTREAM](#)
[LIÊN HỆ](#)
[ĐỔI MẬT KHẨU](#)


3. Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến

Hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mở chính thức cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc nội dung biểu quyết hoặc kết thúc Đại hội tại cuộc họp diễn ra vào ngày 29/06/2021.

Tại màn hình Trang chủ, cổ đông kiểm tra thông tin cá nhân được hiển thị và tình trạng Đại hội. Cổ đông thực hiện tích chọn “**Biểu quyết – Bầu cử trực tuyến**” để tiến hành bỏ phiếu điện tử với các nội dung thuộc thẩm quyền thông qua của Đại hội đồng cổ đông.

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



a. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 có 03 (ba) lần biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội đã được gửi đến Quý cổ đông và công bố trên website của Công ty, cụ thể:

↓ Biểu quyết lần 01:

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 1				
Số lượng cổ phiếu đại diện :				
Tiêu đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua danh sách thành viên Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua Chương trình đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT [Hướng dẫn biểu quyết]

↓ Biểu quyết lần 02

BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 2

Số lượng cổ phiếu đại diện : 1

Điều đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung 01	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 02	Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 03	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 04	Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 05	Thông qua Tờ trình phê duyệt Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 06	Thông qua Tờ trình phê duyệt thủ lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 07	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 08	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 09	Thông qua dự thảo thay đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty theo luật doanh nghiệp năm 2020	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10	Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động HĐQT, BKS và Quy chế nội bộ Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT

[Không dán biểu quyết]

BIỂU QUYẾT LẦN 03**BIỂU QUYẾT LẦN THỨ 3**

Số lượng cổ phiếu đại diện :

Điều đề nội dung	Nội dung	<input type="checkbox"/> Tán Thành	<input type="checkbox"/> Không tán thành	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
Nội dung	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

BIỂU QUYẾT

[Không dán biểu quyết]

Với các nội dung biểu quyết, Quý cổ đông tick chọn 1 trong 3 ô: **Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến**, sau đó Quý vị thực hiện nhấn “**Biểu quyết**”, hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả biểu quyết.

Cổ đông đã biểu quyết các nội dung tại Đại hội, trước khi Chủ tọa thông báo kết thúc thời gian biểu quyết của nội dung đó, có thể thay đổi kết quả biểu quyết bằng cách nhấn nút

THAY ĐỔI BIỂU QUYẾT

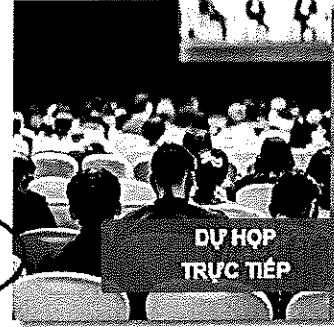
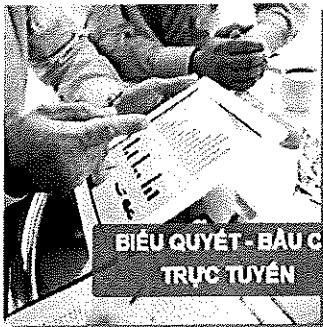
sau đó nhấn “Biểu quyết” để hệ thống ghi nhận kết quả biểu mới.

Lưu ý: Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ được tính là tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi biểu quyết ít nhất 01 lần biểu quyết hoặc bầu cử trên hệ thống EzGSM.

4. Ủy quyền

Cổ đông không tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc chương trình Đại hội. Cổ đông thực hiện thao tác ủy quyền trực tuyến bằng cách tích chọn như sau:

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỌP



ỦY QUYỀN DỰ ĐẠI HỘI			
BÊN ỦY QUYỀN			
Mã Đại biểu	IVN.000020	Số cổ phần sở hữu	27.750
Số ĐKNSH	011645980	Số cổ phần đã ủy quyền	0
Quốc tịch	Viet Nam	Số cổ phần nhận UQ	0
Họ và tên	TRẦN VĂN B	Số cổ phần còn lại	27.750
Địa chỉ	Số 66 ngõ 218 Tây Sơn - Hà Nội		
BÊN NHẬN ỦY QUYỀN			
Ủy quyền cho	Thành viên HĐQT hoặc BKS	Cổ đông khác	Người nhận ủy quyền khác
Mã Đại biểu	Số cổ phần nhận UQ		
Số ĐKNSH			
Quốc tịch			
Họ và tên			
Địa chỉ			

442
NG T
PH
HAX
SỐ
HÒA

Cổ đông lựa chọn ủy quyền cho Thành viên HĐQT/BKS (theo danh sách sẵn có), cho cổ đông hoặc người nhận ủy quyền khác bằng cách tích chọn vào ô trống trước các lựa chọn này. Cổ đông điền số lượng cổ phần ủy quyền, sau đó nhấn

ỦY QUYỀN



để ghi nhận ủy quyền trên hệ thống. Hệ thống sẽ tự động gửi thông báo cho cổ đông như sau:



Kính mời Quý cổ đông in và gửi bản cứng về tổ chức phát hành trước ngày được quy định tại Thư mời họp

OK

Sau khi thực hiện thao tác nêu trên, ủy quyền của cổ đông ở trạng thái “Chưa phê duyệt”. Quý cổ đông có thể Hủy ủy quyền hoặc tiến hành in Giấy ủy quyền và gửi bản cứng về địa chỉ liên hệ của LG9 theo quy định tại Thông báo mời họp.

STT	Ngày UQ	Người nhận UQ	Người UQ	Số lượng UQ	Người tạo UQ	Trạng thái	Hành động
1	28/05/2021 3:03:26 CH	VŨ BÁ KHÁNH	TRẦN VĂN B	27.750	TVN 000020	Chưa phê duyệt	 

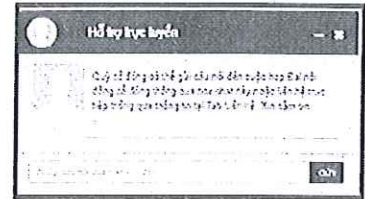
Sau khi nhận được Giấy ủy quyền hợp lệ của cổ đông, LG9 sẽ tiến hành phê duyệt ủy quyền và chính thức ghi nhận số lượng cổ phần ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền. Cổ đông đã ủy quyền vẫn có thể truy cập hệ thống nhưng không có quyền biểu quyết – bầu cử trực tuyến.

5. Thảo luận

Cổ đông
Mã cổ đông:
Số lượng CP đại hội
CP số hóa
CP nhân lý quyền
CP ủy quyền
Tình trạng đại hội:

Tình trạng đại hội
ĐANG TIẾN HÀNH CỔ ĐẠI HỘI
Trạm thu tiền:
Thời gian diễn ra:
Ngày, Giờ, Phút

LỰA CHỌN CÁC HÌNH THỨC DỰ HỘI



File Name: Windows

Cổ đông vui lòng gửi câu hỏi thảo luận tại chat box phía dưới cùng, bên phải giao diện của cổ đông hoặc để lại địa chỉ liên hệ để LG9 liên hệ hỗ trợ.

6. Các tính năng khác:

- **Tính năng livestream:** Trong ngày tổ chức Đại hội, cổ đông có thể thực hiện việc theo dõi diễn biến và tiến trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- **Tài liệu đại hội:** Tất cả các tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải tại mục Tài liệu Đại hội trên hệ thống EzGSM. Cổ đông nhấn vào từng tài liệu để xem và tải tài liệu.
- **Liên hệ:** Mọi ý kiến thắc mắc hoặc câu hỏi chất vấn của Quý vị cổ đông xin vui lòng gửi tới Ban tổ chức theo thông tin tại tab này.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9



Đào Duy Hiền



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 (LICOGI 9) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 23/11/2005; sửa đổi bổ sung và thông qua ngày 22/06/2018;

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty (Đại hội) về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020, phương hướng hoạt động trong năm 2021 của Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 như sau:

I. Tổng quan về Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty đã thông qua ngày 06/06/2019, Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên:

1. Ông Phan Thanh Hải: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Duy Hiền: Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đào Hồng Khánh: Ủy viên

II. Các công việc chính Hội đồng quản trị đã thực hiện trong năm qua:

1. Công tác tổ chức, sắp xếp bộ máy và bổ nhiệm cán bộ

1.1. Mô hình quản trị.

* **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

* **Hội đồng quản trị (HĐQT):** HĐQT được Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Tại thời điểm ngày 06/06/2019 đến nay, HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 03 thành viên:

1. Ông Phan Thanh Hải: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Duy Hiền: Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đào Hồng Khánh: Ủy viên

Những thay đổi về nhân sự HĐQT : không có

1.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

* Ban Điều hành Công ty :

Tại thời điểm 31/12/2020, Ban Điều hành Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Đào Duy Hiền | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm lại 04/07/2018) |
| 2. Ông Đào Hồng Khánh | Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm lại 29/11/2018) |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thành | Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm lại 29/11/2018) |
| 4. Ông Nguyễn Văn Sơn | Trợ lý Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 01/08/2019) |
| 5. Ông Phạm Mạnh Dũng | Phụ trách P. Kế toán (bổ nhiệm 08/12/2020) |

Những thay đổi về nhân sự lãnh đạo:

- Thay đổi giám Ban điều hành: Nghị Quyết HĐQT Công ty số 67 /2020/NQ-HĐQT ngày 25/09/2020 thông qua Không bổ nhiệm phó phòng Kế toán kiêm phụ trách phòng tài chính kế toán đối với ông **Tạ Mạnh Hà**.

- Thay đổi tăng Ban điều hành: Quyết định HĐQT Công ty số 78 /2020/QĐ-HĐQT ngày 08/12/2020 thông qua bổ nhiệm phó phòng Kế toán kiêm phụ trách phòng tài chính kế toán đối với ông **Phạm Mạnh Dũng**.

* Các phòng chức năng:

Tại thời điểm 31/12/2019 Có 04 Phòng chức năng :

1. Phòng Tài chính Kế Toán
2. Phòng Tổ chức Hành chính
3. Phòng Kinh tế Kỹ thuật
4. Phòng Cơ giới vật tư

* Đơn vị trực thuộc:

Tại thời điểm 31/12/2020 Công ty có 04 đơn vị trực thuộc:

+Xưởng sửa chữa MMTB tại KCN 1 Biên Hòa, Đồng Nai;

+Công trường thi công tại các Công trình: San nền KCN Châu Đức – Bà Rịa, Vũng Tàu;

+CT thủy điện Đại Bình tại Bảo Lộc;

+CT san nền tại Long An.

Nhìn chung, nhân sự Lãnh đạo của Công ty có sự thay đổi trong năm qua.

2. Công tác sản xuất kinh doanh:

Mặc dù năm 2020 là năm không thuận lợi đối Licogi 9 do ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch Covid -19 cũng như ảnh hưởng từ các tồn tại các khoản phải thu – phải trả tại các công trình đã thực hiện dẫn tới tình hình tài chính Công ty nhiều thời điểm tưởng như khó có thể triển khai, thực hiện các công việc thi công mới. Mặc dù Hội đồng quản trị đã bám sát, chỉ đạo, đưa ra các giải pháp thực hiện kèm theo đó là công tác giám sát và hỗ trợ Ban Tổng

giám đốc để triển khai tốt nhất có thể để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra – tuy nhiên vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn và cụ thể như sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	180.000	148.184	82,32
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	165.000	140.789	85,33
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.500	1.385	18,47
4	Chia cổ tức	%/năm	10	2	20
5	Tổng quỹ lương (Bao gồm cả thuê ngoài)	Tr.đồng	16.000	14.441	90,26
6	Tỷ trọng tiền lương/doanh thu	%/năm	12	10	83,3
7	Tổng mức đầu tư	Tr.đồng	2.000	1.272	63,60

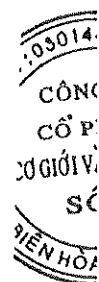
3. Ban hành Nghị quyết/Quyết định

- Trong năm 2020 vừa qua, Hội đồng quản trị LICOGI 9 đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định, tổ chức các phiên họp định kỳ và ban hành các Nghị quyết, Quyết định kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế của Công ty.

- Chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2021 trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết, Quyết định phê duyệt theo thẩm quyền của HĐQT, tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Nghị quyết của HĐQT đảm bảo cho công ty phát triển đúng định hướng và hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Hội đồng quản trị thực hiện nguyên tắc làm việc theo chế độ tập thể, đa số tán thành. Nghị quyết của HĐQT được thông qua khi đa số thành viên HĐQT biểu quyết hoặc bỏ phiếu tán thành. Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ, 01 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và 01 phiên họp bất thường để xem xét quyết định các vấn đề quản lý của Công ty theo thẩm quyền HĐQT.



- Các cuộc họp HĐQT đều có đủ số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, thông qua các thành viên HĐQT tại các cuộc họp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đảm bảo về thể thức, nội dung văn bản và đều dựa trên sự thống nhất chấp thuận của các thành viên HĐQT.

- Các Nghị quyết và quyết định HĐQT ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 3/3 thành viên HĐQT, cụ thể đã ban hành 29 Nghị quyết, 05 Quyết định (có Phụ lục đính kèm)

3 .Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 61/2020/NQ-LG9 ngày 24/06/2020:

Trong năm 2020 HĐQT quản trị đã nghiêm túc thực hiện thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung mà ĐHĐCĐ năm 2020 đã thông qua. Tuy nhiên, do tình hình thực tế của công ty năm 2020 là năm khó khăn đặc biệt về công tác tài chính nên việc chậm trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông chưa triển khai đúng theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Về nội dung này HĐQT đã họp và có nghị quyết gửi các cổ đông xin lùi thời gian chi trả đảm bảo theo đúng quy định.

III. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành công ty

-Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm cho Công ty, tăng doanh thu và lợi nhuận.

-Thực hiện quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và đề xuất của Ban kiểm soát công ty.

-Hội đồng quản trị luôn theo sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty, kịp thời chỉ đạo và giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

-Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Hội đồng quản trị hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của các thành viên trong ban Tổng Giám đốc Công ty.

-Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng định hướng của Hội đồng quản trị trong việc tổ chức kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, thực hiện tốt Kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

-Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng các kế hoạch, triển khai thực hiện các chiến lược và nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả. Đồng thời, đã chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện các chính tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

-Ban Tổng Giám đốc Công ty đã linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra, công khai minh bạch, công bố thông tin kịp thời và chính xác.

-Năm 2020, tất cả hoạt động của Công ty đều nằm trong phạm vi được cho phép theo Giấy đăng ký kinh doanh, cũng như theo các quy định và luật pháp hiện hành tại Việt Nam.

IV. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

Trên cơ sở kết quả thực hiện trong năm 2020, căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Công ty, HĐQT định hướng một số hoạt động trọng tâm trong năm 2020 như sau:

1. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Cụ thể:

- Tổng giá trị SXKD: 190 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu: 170 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 4 tỷ
- Lợi nhuận trước thuế: 3,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 1,67 tỷ đồng.
- Dự kiến Cổ tức: 5 %
- Tổng thu nhập bình quân: 7,5 triệu đồng/người/tháng
- Kế hoạch đầu tư: 2 tỷ đồng

2. Phương hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

- Trong năm 2021, HĐQT Công ty định hướng sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định, phát triển theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu giá trị sản xuất xây lắp, hoạt động thi công xây lắp phát triển theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả, không chạy theo qui mô; Tiếp tục củng cố, gia tăng uy tín và vị thế của công ty đối với các Chủ đầu tư.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tiếp tục xây dựng phương án cơ cấu lại Phòng/Ban, xây dựng chức năng nhiệm vụ cụ thể từng Phòng/Ban, nhân sự theo hướng tinh gọn và hiệu quả, đồng thời xây dựng lại quy chế lương đảm bảo công bằng trong thu nhập.

- Chỉ đạo người quản lý vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết tăng cường công tác quản lý tài chính, tái cấu trúc lại Công ty CP Licogi 9.2.

- Chỉ đạo nâng cao hơn nữa năng suất, đảm bảo mục tiêu tiến độ, chất lượng, sản lượng thi công tại các Công trình Công ty tham gia thi công, đồng thời cũng như nghiên cứu giải pháp giảm thiểu hơn nữa các loại chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

- Tăng cường khâu tiếp thị đầu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường, đảm bảo cạnh tranh, hoàn thành kế hoạch năm;

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đối với các vấn đề còn tồn tại vướng mắc từ năm trước;

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, cân đối tiền vốn cho sản xuất kinh doanh và tiền vốn cho đầu tư thiết bị thi công; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Nâng cao hiệu quả trong SXKD.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tích cực rà soát và tập trung vào công tác thu hồi vốn giảm dờ dang 31/12/2020 và quyết liệt thu hồi nợ còn tồn đọng;

- Rà soát, điều chỉnh lại cơ chế quản lý tài chính, đầu tư, thanh lý tài sản, tổ chức nhân sự trong toàn Công ty;

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động của Công ty;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên các công trường đang thi công.

- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản trị công ty; Tiếp tục duy trì việc tổ chức phiên họp thường kỳ hoặc lấy phiếu ý kiến để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, hoặc các vấn đề quan trọng đến tình hình SXKD Công ty tối thiểu 1 lần/quý; Chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

IV. Kết luận

Với kết quả đạt được trong năm 2020, cộng với những tín hiệu của thị trường xây dựng trong năm 2021 - với Ban điều hành đoàn kết, năng động, nhiệt huyết, đội ngũ lao động có tay nghề, uy tín của LICOGI 9 và đặc biệt là sự tin tưởng và ủng hộ và chia sẻ, thông cảm của toàn thể Quý cổ đông. Hội đồng quản trị LICOGI 9 tin tưởng rằng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 giao.

Trân trọng/.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban GD, Ban KS;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Hải

PHỤ LỤC

Các Nghị quyết và quyết định HĐQT ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của 3/3 thành viên HĐQT, cụ thể (đã ban hành 19 Nghị quyết, 05 Quyết định) như sau:

TT	Nội dung cuộc họp/ phiếu lấy ý kiến	Ký hiệu văn bản	Kết quả TV thông qua	Ngày ban hành
1	NQ v/v Biện pháp thu hồi công nợ Ct Đăkkar, ĐamBri, đăkdrinh	04/2020/NQ-HĐQT	3/3	10/01/2020
2	NQ VV Ký Hợp đồng thi công xây lắp các hạng mục CTThủy điện Đại Bình	07/2020/NQ-HĐQT	3/3	05/03/2020
3	NQ VV Đầu tư trạm trộn cho CTThủy điện Đại Bình	10/2020/NQ-HĐQT	3/3	12/3/2020
4	NQ VV Xin gia hạn t/g tổ chức ĐHCĐ TN 2020	10/2020/NQ-HĐQT	3/3	13/3/2020
5	NQ VV Thông qua đơn thôi giao nhiệm vụ người QL vốn tại cty 9.2	19/2020/NQ-HĐQT	3/3	01/04/2020
6	NQ VV Mua lại cầu thép K35/32 cho CTThủy điện Đại Bình	23/2020/NQ-HĐQT	3/3	05/04/2020
7	NQ VV Xin ý kiến biểu quyết Thanh lý TSCĐ cty Licogi 9.2	26/2020/NQ-HĐQT	3/3	04/05/2020
8	NQ VV Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHCĐTN 2020	28/2020/NQ-HĐQT	3/3	19/05/2020
9	NQ v/v Xin gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2018	35/2020/NQ-HĐQT	3/3	05/06/2020
10	NQ v/v Hợp HĐQT mở rộng	37/2020/NQ-HĐQT	3/3	05/06/2020
11	QĐ v/v Kiện toán HĐTL TSCĐ	38/2020/QĐ-HĐQT	3/3	05/06/2020
12	NQ v/v Thanh lý một số TB xe máy cơ giới 2020	40/2020/NQ-HĐQT	3/3	06/06/2020
13	QĐ v/v Gia hạn t/g bổ nhiệm phụ trách phòng TCKT	41/2020/QĐ-HĐQT	3/3	06/06/2020
14	NQ v/v Thông qua các nội dung báo cáo và trình ĐHCĐTN 2020	42/2020/NQ-HĐQT	3/3	05/06/2020
15	NQ VV Ký kết HĐ mua các loại vật tư cho CT Thủy điện Đại Bình	45/2020/NQ-HĐQT	3/3	17/06/2020
16	NQ v/v Phê duyệt giá sàn Thanh lý một số TB xe máy cơ giới 2020	47/2020/NQ-HĐQT	3/3	06/06/2020
17	NQ v/v Nghị quyết ĐHCĐTN 2020	61/2020/NQ-LG9	3/3	24/06/2020
18	NQ VV Xin gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2018-lần 2	65/2020/NQ-HĐQT	3/3	07/09/2020
19	NQ v/v Xin chủ trương bổ nhiệm mới và không bổ nhiệm lại CB cấp phó phòng	68/2020/NQ-HĐQT	3/3	25/09/2020
20	QĐ v/v Tuyển dụng kế toán trưởng cty	69/2020/QĐ-HĐQT	3/3	25/09/2020

TT	Nội dung cuộc họp/ phiếu lấy ý kiến	Ký hiệu văn bản	Kết quả TV thông qua	Ngày ban hành
21	NQ v/v Thông qua việc vay vốn tại NH VCB- CN Biên Hòa	01/20/NQ-HĐQT.LCG9	3/3	10/09/2020
22	QĐ VV Thành lập Hội đồng kiểm kê 2020	72/2020/QĐ-HĐQT	3/3	01/12/2020
23	NQ VV Xin gia hạn thời gian trả cổ tức năm 2019	75/2020/NQ-HĐQT	3/3	01/12/2020
24	QĐ VV Bổ nhiệm mới phó phòng kiêm phụ trách phòng	78/2020/QĐ-HĐQT	3/3	08/12/2020

Số: 27/2021/BC-TGD

Biên Hòa, ngày 08 tháng 06 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9, tôi xin trân trọng cảm ơn Toàn thể quý vị đại biểu, Quý cổ đông đã dành thời gian tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty. Sau đây tôi xin báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty với các nội dung như sau:

I.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1.Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/KH2020 (%)
1	Một số chỉ tiêu tài chính				
1	Giá trị sản xuất	Triệu đồng	180.000	148.184	82,32
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	165.000	140.789	85,33
3	Tổng số phải nộp Ngân sách, trong đó: -Số đã nộp NSNN	Triệu đồng	17.400 4.000	19.808 347	113,84 8,68
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.500	1.385	18,47
II	Lao động và thu nhập				
1	Tổng số lao động bình quân	Người	200	150	75,00
2	Thu nhập BQ CBCNV/ th/ng	1.000đ	7.500	9.600	128,00
3	Tổng quỹ lương (kể cả thuê ngoài), trong đó Tỷ trọng tiền lương= Tổng	Tr.đồ ng %	16.000 12,00	14.441 10,00	90,26 83,33

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/KH2020 (%)
	<i>quỹ lương/doanh thu thuần</i>				
III	Đầu tư MMTB	Triệu đồng	2.000	1.272	63,60

Nguồn: Theo BCTC Hợp nhất năm 2020

2. Nhận xét, đánh giá:

Nhìn chung năm 2020 công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra như:

+Giá trị sản xuất đạt: 148.184 triệu đồng giảm 28,42% so với năm 2019 và đạt 82,32 % tức là giảm 17,68% so với kế hoạch năm 2020 do một phần ảnh hưởng của dịch Covid;

+Doanh thu thuần đạt: 140.789 triệu đồng giảm 19,39 % so với năm 2019 và đạt 85,33 % tức là giảm 14,67% so với kế hoạch năm 2020;

+Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 18,47 % tức là giảm 80,74% so với kế hoạch năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do:

-Vẫn còn tồn tại một số công trình đã thi công xong nhưng chưa hoàn thành quyết toán, một số công trình còn nợ đọng kéo dài do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung, tăng chi phí sử dụng vốn của Công ty như: Công trình thủy điện Đăkdrinh, Công trình khu đô thị mới thủ thiêm Q2,... Bên cạnh đó có 1 số công trình làm tốt hơn công tác nghiệm thu như : công trình KCN Châu Đức, Công trình Thủy điện Đăkkar, Thủy điện ĐamBri, Thủy điện Đại Bình...

Kính thưa quý vị !

Mặc dù trong năm vừa qua Công ty chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhưng trong năm công ty đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh công tác quản lý, tăng cường quản trị sản xuất với nhiều chính sách và giải pháp phù hợp. Cụ thể:

2.1/ Lĩnh vực xây lắp và sản xuất VLXD

-Thi công xây lắp là lĩnh vực truyền thống đồng thời cũng là hoạt động chính của Công ty đóng góp đến 60% tổng giá trị sản lượng và doanh thu của Công ty. Điểm thuận lợi của năm 2020 là ngay từ đầu năm khối lượng công việc gói đầu của toàn công ty đã tương đương với 55% kế hoạch năm.

Các công trình thi công trong năm 2020 phần lớn đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ Chủ đầu tư yêu cầu. Công tác chất lượng có tiến bộ hơn nhiều so với các năm trước, do công ty đã lưu ý tuyển chọn vật tư thi công đúng chủng loại, chất lượng nên chất lượng công trình thi công đạt yêu cầu của Chủ đầu tư, quản lý chặt chẽ về kinh tế để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

-Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn tương đối kịp thời đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho SXKD, vốn cho đầu tư và trả nợ đúng hạn. Năm 2020, một số công trình làm tốt như: Công trình KCN Châu Đức; Công trình thủy điện Đăkkar; Công trình thủy điện ĐamBri; Cho thuê thiết bị và văn phòng; Công trình thủy điện Đại Bình; Công trình Long An;

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số công trình đã thi công xong nhưng chưa hoàn thành quyết toán, một số công trình còn nợ đọng kéo dài do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của Công ty như: Công trình thủy điện Đăkdrinh, Công trình khu đô thị mới thủ thiêm Q2,...

2.2/ Lĩnh vực đầu tư :

a. Dự án Văn phòng làm việc và cho thuê: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, mục tiêu kinh doanh cho thuê các tầng văn phòng còn lại đã thực hiện được như mong đợi, tỷ lệ lấp đầy đạt 85%.

b. Đầu tư thiết bị : Máy móc thiết bị chủ lực của Công ty phần lớn đã cũ, khấu hao đã gần hết, giá trị sử dụng không còn nhiều nhưng trong năm không có dự án, công trình lớn cần thiết đầu tư nên Công ty đã tận dụng khai thác tối đa các thiết bị Công ty đang có, về công tác đầu tư thiết bị trong năm 2020 công ty có chủ trương thực hiện các đầu tư máy móc thiết bị cho công trình thủy điện Đại Bình-tỉnh Lâm Đồng với giá trị 1,272 tỷ đồng (trạm bê tông 60m³/h và cầu tháp đã qua sử dụng).

c. Đầu tư tài chính:

- Tổng số vốn Công ty đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết, đến thời điểm 31/12/2018 là : 29.789 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư vào Công ty CP Licogi 9.2 với số vốn là 13.249 triệu đồng. Năm 2020, hoạt động SXKD của đơn vị có lãi : 50,12 triệu đồng, Lũy kế từ năm 2013 đến 31/12/2020 là 13.918 triệu đồng nên Công ty CP Licogi 9.2 không được chia cổ tức.

-Đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP ĐT-XD Bình Long với số vốn là 16,54 tỷ đồng: Năm 2018 theo Hợp đồng khoán trọn số **06/HĐGK/2018/CG9** ký ngày 20/01/2018 giữa Công ty CP Licogi 9 với Công ty CP ĐT-XD Bình Long và hàng năm đến hết ngày 31/12 là Công ty CP ĐT-XD Bình Long chuyển nộp cho công ty Licogi 9 là **03** tỷ đồng với thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2022.

Căn cứ vào Nghị quyết số 70/2019/BB-HĐQT ngày 08/11/2019 của HĐQT Công ty thông qua chủ trương để Người đại diện theo pháp luật Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2019/PLHĐGK-LG9 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long điều chỉnh thành 12.500.000.000 đồng trong thời gian 5 năm từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2022 do Công ty thực hiện lấy tiền cổ tức 1 lần cho cả 4 năm còn lại.

Nhìn chung, Hiệu quả từ hoạt động này vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của Công ty, đặc biệt là Công ty con (Licogi 9.2).

2.3/ Công tác tài chính.

-Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo dòng vốn kinh doanh đủ, với lãi vay thấp.

-Hoàn thành đúng quy định về công tác: chi trả cổ tức, chi trả tiền lương, tiền thưởng, và các khoản chi trả khác cho người lao động. Thực hiện và triển khai công tác quản trị dòng tiền thu- chi, phục vụ cho công tác quản trị tài chính của Doanh nghiệp.

-Thực hiện tốt chức năng tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo công ty trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trong công tác tài chính.

2.4/ Công tác thu hồi công nợ.

-Năm 2020 là một năm gặp không ít những khó khăn về công tác thu hồi công nợ và thanh quyết toán các công trình mà Công ty đã và đang thi công nhưng với sự quyết tâm của Ban điều hành về cơ bản Công ty cũng đã đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ nhằm đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động, hạn chế được rủi ro thanh toán, hạn chế tối đa việc phát sinh thêm nợ xấu.

-Thúc đẩy công tác quản lý nợ, phân loại các khoản nợ, thu hồi nợ nhất là các khoản nợ quá hạn.

2.5/ Công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo.

-Duy trì việc thực hiện quy chế đánh giá nhân viên và cán bộ hàng tháng theo A, B. Thực hiện khen thưởng hàng tháng đối với các cá nhân xuất sắc.

-Công tác đào tạo: tổ chức đào tạo và thi nâng bậc cho 10 công nhân, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên đang trực tiếp thi công tại các công trường, Trạm bê tông, Xưởng sửa chữa.

-Công tác BHXH, BHYT y tế: 100% người lao động trong công ty được ký hợp đồng lao động và được đóng BHXH, BHYT và BHTN theo quy định pháp luật.

3. Một số tồn tại:

- Công tác sản xuất kinh doanh :

+ Công tác tìm kiếm việc làm chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

+ Các công trình mà Công ty đang thi công rất khó khăn, công trình nhỏ lẻ, công việc làm không đều nên hiệu quả công việc thấp.

+ Tài chính Công ty nhiều lúc còn thiếu, không đáp ứng kịp thời cho việc thi công.

+ Công tác quản lý chi phí trên các công trường còn chưa sát và chặt chẽ, cho nên chi phí tăng cao dẫn đến một số công trình thi công không hiệu quả.

+ Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị năm 2020 tuy đã có nhiều cải thiện song mới chỉ mang tính duy trì chứ chưa có giải pháp lâu dài.

- Công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán các công trình mà Công ty thi công còn chưa thực sự quyết liệt.

- Công tác nhân sự: Chế độ lương, thưởng hiện tại chưa đủ hấp dẫn để giữ chân lực lượng nhân sự có chuyên môn cao.

*** Nguyên nhân:**

-*Thứ nhất:* Một số công trình đã thi công xong từ các năm trước nhưng Chủ đầu tư thiếu vốn nên tìm mọi cách kéo dài, thanh toán chậm dẫn đến tiền vay Ngân hàng lớn đã làm giảm lợi nhuận Công ty. Đặc biệt như Công ty CP Thủy điện Đắkdrinh, Công ty Licogi 9.1, Công ty CP ĐTXD & PT VL IDICO, Tổng công ty Licogi,... đã tồn nợ kéo dài nhiều năm.

-*Thứ hai:* Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cán bộ điều hành, quản lý còn hạn chế, chưa chủ động nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời, thiếu năng động, quyết liệt, chưa tạo được môi trường gắn kết, phối hợp giữa các bộ phận nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

-*Thứ ba:* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm rất khó khăn do cạnh tranh khốc liệt, các dự án tìm được chủ yếu do các doanh nghiệp làm chủ đầu tư nên tài chính cũng khó khăn.

*** Bài học kinh nghiệm:**

-Do đặc thù là Doanh nghiệp xây dựng, địa bàn hoạt động sản xuất phân tán theo các Công trình, Dự án có các điều kiện khác nhau nên việc tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành phải rất cụ thể, sâu sát, quyết liệt, đặc biệt là công tác cán bộ và cơ chế khoán quản lý. Quá trình điều hành, quản lý phải theo hệ thống vừa trực tuyến để kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất, vừa theo chức năng để tăng cường công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật; chế độ thông tin, báo cáo phải được duy trì đều đặn và có tính hệ thống. Tăng cường chế độ làm việc tập thể từ cấp cao nhất đến cơ sở để bàn bạc và đưa ra các quyết định hiệu quả nhất, hạn chế và ngăn ngừa các rủi ro. Khi phát hiện các vấn đề bất cập, thiếu sót cần phải nghiên cứu, xem xét và giải quyết kịp thời, triệt để, phải đặt lợi ích chung của Công ty là trọng tâm để xử lý các vấn đề.

-Với mô hình LICOGI 9 hiện nay và để tiếp tục phát triển, bền vững, hiệu quả trong thời gian tới, cần tiếp tục củng cố, hoàn thiện các cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng Cán bộ lãnh đạo. Tinh giảm bộ máy khối gián tiếp.

II.KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Trên cơ sở các hợp đồng thi công chuyển tiếp của năm 2020, các dự án đang triển khai, khả năng khai thác thêm thị trường mới, Ban tổng giám đốc đề ra kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
I	Một số chỉ tiêu tài chính			
1	Giá trị sản xuất	Tr.đ	148.184	190.000
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	140.789	170.000
3	Tổng số phải nộp Ngân sách, trong đó: -Số đã nộp NSNN	Tr.đồng	19.604 347	17.500 4.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.385	3.100
II	Lao động và thu nhập			
1	Tổng số lao động bình quân	Người	150	200
2	Thu nhập BQ CBCNV/ th/ng	1.000đ	7.500	7.500
3	Tổng quỹ lương (kể cả thuê ngoài), trong đó Tỷ trọng tiền lương= $\frac{\text{Tổng quỹ lương}}{\text{doanh thu thuần}}$	Tr.đồng %	14.441 10,00	15.000 11,30
4	Chia Cổ tức	%/năm	2	5
III	Đầu tư MMTB	Tr.đ	1.272	2.000

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Đối với lĩnh vực thi công xây lắp và sản xuất VLXD:

-Tập trung tối đa nguồn lực để chủ động tìm kiếm việc làm, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng. Nâng cao chất lượng hồ sơ dự thầu và công tác đấu thầu.

-Tổ chức quản lý, triển khai tốt các công trình đang thi công dở dang kết hợp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán để tạo nguồn tiền cho Công ty.

-Tăng cường quan hệ, liên doanh, liên kết để tìm kiếm thị trường tiềm năng mới. Nghiên cứu, cải tiến các các biện pháp thi công công nghệ mới, xây dựng hình ảnh Công ty là Nhà thầu chuyên nghiệp, thân thiện, có tín nhiệm đối với Chủ đầu tư.

-Về lĩnh vực sản xuất VLXD: Tăng cường công tác tiếp thị quảng bá sản phẩm bê tông thương phẩm tới khách hàng trong khu vực, từng bước chiếm lĩnh thị phần với phương châm uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh...

2.2. Đối với lĩnh vực kế hoạch - Tài chính Kế toán:

-Chủ động nắm bắt thông tin thị trường, tìm khách hàng, lập kế hoạch SXKD định kỳ, triển khai thực hiện các kế hoạch liên quan đến SXKD, giao nhiệm vụ kế hoạch cho các đơn vị thi công. Lập hồ sơ và tham gia đấu thầu các công trình trong ngành, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc thương thảo và ký kết các Hợp đồng kinh tế với các đối tác. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác lập và trình duyệt các dự toán cũng như việc nghiệm thu, thanh toán đối với các Chủ đầu tư, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty.

-Thực hiện công tác quản lý vật tư thiết bị, rà soát, tổ chức mua sắm, đảm bảo vật tư cho sản xuất, phối hợp cùng các phòng ban quản lý công tác sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý quản lý vật tư thiết bị hiệu quả.

-Tập trung, quyết liệt và giao trách nhiệm cụ thể, chi tiết trong việc nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn. Có các giải pháp mạnh đối với các khoản nợ dầy dụa, khó đòi.

-Tiếp tục đẩy mạnh công tác khoán - quản, nâng cao chất lượng quản lý trong khoán quản, theo đó tất cả các công trình đều phải có phương án kinh tế, phương án giao khoán để kiểm soát đồng bộ từ tiến độ thi công, chất lượng, an toàn lao động, chi phí, lợi nhuận, tiến độ thu hồi vốn; đồng thời xây dựng cơ chế chịu trách nhiệm khi tham gia thi công công trình/dự án, gắn trách nhiệm của Chủ công trình với hiệu quả kinh tế của công trình.

-Kiểm soát chi phí: Phân đầu giảm dần dư nợ các tổ chức tín dụng, xây dựng các phương án tái cơ cấu nguồn vốn, kiểm soát chặt chẽ đối với công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng cá nhân nhằm giảm giảm chi phí tài chính.

2.3. Công tác tổ chức, nhân sự:

-Tiếp tục rà soát, định biên đội ngũ Cán bộ CNV; Tổ chức sắp xếp lại các phòng ban để đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển kinh doanh trong giai đoạn mới. Sắp xếp, bồi dưỡng nhân sự, đánh giá cán bộ tại các phòng ban, các đơn vị trực thuộc. Chọn lọc nhân lực giỏi chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ để thi công các công trình có yếu tố nước ngoài.

-Xây dựng chiến lược tuyển dụng, thu hút và đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề về làm việc và ký hợp đồng dài hạn với công ty và xây dựng chính sách đãi ngộ riêng với lực lượng lao động này.

-Áp dụng hiệu quả quy chế tiền lương, thường xuyên xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, vận dụng các chính sách thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ CNV tăng năng suất lao động, làm việc trách nhiệm, hiệu quả, gắn bó lâu dài với Công ty.

2.4. Công tác đầu tư :

-Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính: Tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết. Hỗ trợ và tạo điều kiện để Mỏ đá Bình Long phát huy hiệu quả sản xuất cao hơn nữa đóng góp vào chỉ tiêu lợi nhuận tốt hơn cho Công ty.

-Khôi phục lại sản xuất kinh doanh Công ty CP LICOGI 9.2, tìm các nguồn tài chính để tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh có thể bán bớt phần vốn cho các nhà đầu tư có năng lực, có tài chính và có việc làm.

-Đầu tư thiết bị công nghệ: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật mới trong thi công để đầu tư máy móc thiết bị thi công hiện đại, thay thế dần những máy móc

232
TY
ÂN
XÂY L
9
T. Đ

thiết bị cũ, kém hiệu quả không đáp ứng được công nghệ thi công cũng như yêu cầu khắt khe của các chủ đầu tư nước ngoài. Đầu tư thiết bị mới hết sức thận trọng trong việc cân đối nguồn, chi phí đầu tư, phương án khai thác và sử dụng để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

-Tập trung tìm kiếm các mảng đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế như tài nguyên, bất động sản.

2.5. Công tác quản lý điều hành:

-Theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời đánh giá tình hình đề xuất các giải pháp để phòng ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo tài chính doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.

-Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức để phù hợp với quy mô và đặc thù sản xuất của Công ty; Xây dựng hệ thống quản lý phù hợp đảm bảo chuẩn hóa, minh bạch thông tin; Xây dựng các chế tài cần thiết để xử lý các vi phạm.

-Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội cổ đông giao.

Thưa các Quý vị cổ đông!

Trên đây là toàn bộ Báo cáo của Ban tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thay mặt Ban tổng giám đốc Công ty Licogi 9, Tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của HĐQT, Ban tổng giám đốc Tổng Công ty Licogi; Cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị cổ đông, các đối tác đã sát cánh với Công ty trong năm qua, đồng thời đánh giá cao sự tận tâm, nỗ lực và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã kiên trì vượt khó để duy trì SXKD, cùng nhau xây dựng, bồi đắp cho thương hiệu LICOGI 9 ngày càng vững mạnh.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những kết quả đã đạt được cùng với sự đoàn kết, gắn bó, sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị, Công ty Cổ phần Licogi 9 sẽ ổn định và phát triển bền vững hơn trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Xin kính chúc các Quý vị Đại biểu, Quý vị cổ đông Sức khỏe, Hạnh phúc và Thành công!

Xin trân trọng cảm ơn !

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Duy Hiền



Biên Hòa, ngày 08 tháng 06 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính thưa: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 !

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 9 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/06/2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế(ICPA);
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của BKS tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Công ty Licogi số 9;

Ban kiểm soát Công ty, trân trọng Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 cụ thể như sau:

A. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020:

I. Về nhân sự:

Ban kiểm soát của Công ty gồm 02 thành viên bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1. Ông Nguyễn Anh Dũng | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Ông Hoàng Như Thái | Thành viên BKS |

II. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2020 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

1. Ban kiểm soát đã lên kế hoạch làm việc của Ban trong năm 2020;
2. Tham gia các cuộc họp của HĐQT, tiếp tục giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành của Công ty;
3. Xem xét và đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch SXKD và tài chính năm 2020;
4. Giám sát và kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm 2020;
5. Thẩm định báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 do Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (ICPA) phát hành;
6. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, việc tuân thủ quy định của pháp luật đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong quá trình hoạt động của Công ty;

7.Thù lao, ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THẨM ĐỊNH NĂM 2020:

I.GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2020:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020 (BCTC hợp nhất):

Bảng 01:

Error! Not a valid link.

• Nhận xét của Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020:

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty giảm so với năm 2019 và chưa đạt nhiều chỉ tiêu kế hoạch đề ra cụ thể :

+Doanh thu thuần đạt 85,33% kế hoạch và giảm 19,4% so với năm 2019 (tương ứng giảm gần 34 tỷ đồng)

+ Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 18,47 % kế hoạch và giảm so với năm 2019 là 80,74% (tương ứng giảm hơn 5,8 tỷ đồng).

Tổng lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do:

-Vẫn còn tồn tại một số công trình đã thi công xong nhưng chưa hoàn thành quyết toán, một số công trình còn nợ đọng kéo dài do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung, tăng chi phí sử dụng vốn của Công ty như: Công trình thủy điện Đắkdrinh, Công trình khu đô thị mới thủ thiêm Q2,... Bên cạnh đó có 1 số công trình làm tốt hơn công tác nghiệm thu như : công trình KCN Châu Đức, Công trình Thủy điện Đắkkar, Thủy điện Đambri, Thủy điện Đại Bình...

- Đầu tư vào Công ty CP Licogi 9.2 với số vốn là 13.249 triệu đồng. Năm 2020, hoạt động SXKD của đơn vị chỉ lãi : 50 triệu đồng, Lũy kế từ năm 2013 đến 31/12/2019 là 13.918 triệu đồng nên Công ty CP Licogi 9.2 không được chia cổ tức.

- Đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP ĐTXD Bình Long với số vốn là 16,54 tỷ đồng: Năm 2018 theo Hợp đồng khoán trọn gói số 06/HĐGK/2018/CG9 ký ngày 20/01/2018 giữa Công ty CP Licogi 9 với Công ty CP ĐTXD Bình Long và hàng năm đến hết ngày 31/12 là Công ty CP ĐT-XD Bình Long chuyển nộp cho công ty Licogi 9 là 03 tỷ đồng với thời hạn 5 năm kể từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2022.

Căn cứ vào Nghị quyết số 70/2019/BB-HĐQT ngày 08/11/2019 của HĐQT Công ty thông qua chủ trương để Người đại diện theo pháp luật Công ty ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2019/PLHĐGK-LG9 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long điều chỉnh số tiền Công ty Bình Long trả thành 12.500.000.000 đồng do Công ty thực hiện lấy tiền cổ tức 1 lần cho cả 4 năm còn lại (từ năm 2019 đến năm 2022).

Nhìn chung, hiệu quả từ hoạt động đầu tư này vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của công ty, đặc biệt là công ty con Licogi 9.2

- Về công tác đầu tư khác:

+ Dự án văn phòng làm việc và cho thuê : Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, mục tiêu kinh doanh cho thuê các tầng văn

phòng còn lại đã thực hiện được như mong đợi, tỷ lệ lấp đầy đạt 85%

+ Đầu tư máy móc thiết bị : Máy móc thiết bị chủ lực của công ty phần lớn đã cũ, khấu hao đã gần hết, giá trị sử dụng không còn nhiều nhưng trong năm không có dự án, công trình lớn cần thiết đầu tư nên công ty đã tận dụng khai thác tối đa các thiết bị công ty đang có, về công tác đầu tư thiết bị trong năm 2020 công ty có chủ trương thực hiện các đầu tư máy móc thiết bị cho công trình thủy điện Đại Bình – Tỉnh Lâm Đồng với giá trị 1,272 tỷ đồng (trạm bê tông 60m³/h và cầu tháp đã qua sử dụng).

Mặc dù trong năm vừa qua Công ty chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhưng trong năm công ty đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh công tác quản lý, tăng cường quản trị doanh nghiệp với nhiều chính sách và giải pháp phù hợp nhằm tạo sự ổn định để có hướng phát triển trong thời gian tới.

2. Thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2020:

- Đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thông qua với tỷ lệ cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 3% vốn điều lệ cho cổ đông trong năm 2020. Tuy nhiên, do có một vấn đề phát sinh ngoài mong muốn, cụ thể: Nguồn vốn của Công ty ưu tiên phục vụ cho các Hợp đồng lớn và quan trọng. Bên cạnh đó, một số khoản công nợ của khách hàng chuyển trả cho Công ty chưa về tài khoản kịp thời như cam kết của khách hàng nên nguồn tiền của Công ty bị hạn chế chưa thực hiện được việc chi trả cổ tức năm 2019 và năm 2020 cho các cổ đông.

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020: đã tổ chức đấu thầu và lựa chọn được nhà thầu trúng thầu là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) với mức phí khoán gọn là 100.000.000 đồng (đã có VAT).

- Về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020:

◆ Căn cứ theo phương án chi trả đã phê duyệt tại ĐHĐCĐ công ty;

◆ Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020 (*không bao gồm tiền lương chi trả cho các vị trí chuyên trách*): Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020:

1. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (tại Báo cáo tài chính hợp nhất):

Bảng 02

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	246.297	79%	326.959	85%	80.662
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	102	0%	256	0%	154
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	170.093	54%	249.357	65%	79.264
-	Hàng tồn kho	75.400	24%	77.346	20%	1.946
-	Tài sản ngắn hạn khác	702	0%		0%	(702)
2	Tài sản dài hạn	66.038	21%	56.472	15%	(9.566)
-	Phải thu dài hạn	224	0%	224	0%	-
-	Tài sản cố định	43.111	14%	33.423	9%	(9.688)
-	Đầu tư tài chính dài hạn	18.000	6%	18.245	5%	245
-	Tài sản dài hạn khác	4.703	2%	4.580	1%	(123)
A	Tổng tài sản	312.335	100%	383.431	100%	71.096
1	Nợ phải trả	235.997	76%	307.208	80%	71.211
-	Nợ ngắn hạn	227.968	73%	302.744	79%	74.776
-	Nợ dài hạn	8.029	3%	4.464	1%	(3.565)
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	76.338	24%	76.223	20%	(115)
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.266	16%	50.266	13%	-
-	Quỹ đầu tư phát triển	18.337	6%	18.746	5%	409
-	Lợi nhuận chưa phân phối	6.990	2%	6.457	2%	(533)
-	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	745	0%	754	0%	9
B	Tổng nguồn vốn	312.335	100%	383.431	100%	71.096

♦Về Tài sản :

Giá trị Tổng tài sản đến ngày 31/12/2020 là : 383,431 tỷ đồng, so với thời điểm 31/12/2019 tăng: 71 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ là tăng 22,8% so cùng kỳ năm 2019.

Trong đó :

- Tài sản ngắn hạn tăng từ 246,297 tỷ đồng lên 326,959 tỷ đồng, số tiền tăng là 80,6 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 32,7%. Tài sản ngắn hạn tăng, chủ yếu do tăng các khoản phải thu ngắn hạn (tăng từ 170 tỷ đầu năm lên 249 tỷ cuối năm 2020).

- Tài sản dài hạn giảm từ 66,038 tỷ đồng xuống 56,472 tỷ đồng, số tiền giảm là 9,6 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 14,5% chủ yếu do khấu hao TSCĐ.

Trong năm này công ty đã chủ động bán thanh lý một số máy móc thiết bị đã cũ, hỏng, không cần dùng để thu hồi vốn đầu tư.

♦Về Nguồn vốn : Tính đến thời điểm 31/12/2020, với nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn lớn hơn tài sản dài hạn, công ty đảm bảo đủ tài trợ cho tài sản dài hạn và không bị mất cân đối tài chính, đảm bảo cân đối giữa tài sản và nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2020 là 76,223 tỷ đồng

Trong đó: + Vốn góp của chủ sở hữu : 50,266 tỷ đồng

+ Quỹ Đầu tư phát triển : 18,746 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 6,457 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 (tại Báo cáo tài chính riêng)

Bảng 03

DVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2019		Năm 2020		Tăng/giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	239.786	78%	324.191	85%	84.405
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	55	0%	43	0%	(12)
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	165.414	54%	247.502	65%	82.088
-	Hàng tồn kho	74.089	24%	76.646	20%	2.557
-	Tài sản ngắn hạn khác	228	0%		0%	(228)
2	Tài sản dài hạn	66.960	22%	57.543	15%	(9.417)
-	Phải thu dài hạn	224	0%	224	0%	-
-	Tài sản cố định	42.732	14%	33.368	9%	(9.364)
-	Đầu tư tài chính dài hạn	19.393	6%	19.433	5%	40
-	Tài sản dài hạn khác	4.611	2%	4.518	1%	(93)
A	Tổng tài sản	306.746	100%	381.734	100%	74.988
1	Nợ phải trả	230.534	75%	305.899	80%	75.365
-	Nợ ngắn hạn	224.584	73%	303.506	80%	78.922
-	Nợ dài hạn	5.950	2%	2.393	1%	(3.557)
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	76.212	25%	75.835	20%	(377)
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.266	16%	50.266	13%	-
-	Quỹ đầu tư phát triển	17.655	6%	18.064	5%	409
-	Lợi nhuận chưa phân phối	8.291	3%	7.505	2%	(786)
B	Tổng nguồn vốn	306.746	100%	381.734	100%	74.988

♦ Về Tài sản :

Giá trị Tổng tài sản đến ngày 31/12/2020 của công ty Mẹ là : 381,734 tỷ đồng, so với thời điểm 31/12/2019 tăng: 75 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 24,5%.

Trong đó :

- Tài sản ngắn hạn tăng từ 239,786 tỷ đồng lên 324,191 tỷ đồng, số tiền tăng là 84,4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 35,2%. Tài sản ngắn hạn tăng, chủ yếu do tăng khoản phải thu ngắn hạn (tăng từ 165,4 tỷ đầu năm lên 247,5 tỷ cuối năm 2020)

- Tài sản dài hạn giảm từ 66,960 tỷ đồng xuống 57,543 tỷ đồng, số tiền giảm là 9,4 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 14% chủ yếu do khấu hao TSCĐ.

♦ Về Nguồn vốn :

Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2020 là 75,835 tỷ đồng

Trong đó: + Vốn góp của chủ sở hữu : 50,266 tỷ đồng

+ Quỹ Đầu tư phát triển : 18,064 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 7,505 tỷ đồng.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình kinh doanh tại thời điểm 31/12/2020:

Các chỉ tiêu	ĐVT	BCTC Mẹ	BCTC hợp nhất
1. Chỉ số hoạt động			
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,51	1,52
Vòng quay TSCĐ	Lần	3,67	3,68
2. Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	80,13%	80,12%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	20%	19,88%
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	4,03	4,03
3 Chỉ tiêu thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,82
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,07	1,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
Khả năng sinh lợi của doanh thu (ROS)	%	0,80%	0,97%
Khả năng sinh lợi của tổng tài sản (ROA)	%	0,33%	0,40%
Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1,49%	1,83%

•Đánh giá của BKS về tình hình tài chính của Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2020, các chỉ số đánh giá mức độ lành mạnh về tài chính của Công ty có đều giảm so với năm 2019 đề nghị Công ty tăng cường quản lý vốn và tài sản để đạt hiệu quả hơn. Hệ số phải trả trên vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu vẫn ở mức tương đối cao, công nợ phải thu và giá trị dở dang còn lớn. Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời có giảm sút so với năm 2019 do kết quả kinh doanh năm 2020 tại Công ty mẹ và hợp nhất đều giảm đáng kể cụ thể : lợi nhuận sau thuế năm 2020 của mẹ đạt 1,131 tỷ trong khi năm 2019 đạt 1,917 tỷ đồng; của hợp nhất năm 2020 chỉ đạt 1,393 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm 2019 đạt 7,062 tỷ đồng.

Sau khi xem xét, thẩm định, Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo kiểm toán và xác nhận: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III.KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY :

1. Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2020, HĐQT đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy định: tổ chức 02 phiên họp thường kỳ của HĐQT, 01 kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và 01 cuộc họp bất thường, ban hành 29 Nghị quyết và 05 Quyết định. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành kịp thời, đúng thủ tục, trình tự phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

- HĐQT đã chỉ đạo, thực hiện quyết liệt việc giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và các hoạt động SXKD của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành đã chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty, tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp giao ban sản xuất, xây dựng và hoàn thiện các quy chế trong hệ thống các quy chế quản lý của công ty về: giao khoán, chỉ tiêu, chế độ lương thưởng, quản lý chất lượng... góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2020.

- Trong lĩnh vực đầu tư tài chính cũng như nâng cao năng lực thi công, HĐQT công ty đã có những quyết định đúng đắn đúng thẩm quyền, kịp thời, có chọn lọc nhằm chỉ đạo Tổng giám đốc công ty trong việc cân đối các nguồn vốn phục vụ cho SXKD và phát triển đầu tư các dự án.

- Về quan hệ với cổ đông: Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ văn bản nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về sai phạm của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Nhìn chung trong năm qua, HĐQT đã thực thi đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, không gây ra sự chông chéo trong công tác quản lý, đưa ra phương hướng chỉ đạo chứ không làm thay nhiệm vụ điều hành của Tổng giám đốc công ty.

2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý:

- Ban TGD đã tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách kịp thời, linh hoạt và nghiêm túc tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, Nghị quyết của HĐQT; chấp hành đúng các chế độ, chính sách, quy định của Nhà Nước trong điều hành SXKD.

- Ban kiểm soát nhất trí với những đánh giá trong báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban Tổng giám đốc Công ty, thể hiện nổi bật ở một số công tác sau:

+ Phần lớn các công trình thi công hoàn thành bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng đều đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng và được Chủ đầu tư đánh giá cao.

+ Chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường ký kết được các hợp đồng kinh tế mới tạo việc làm cho người lao động, sử dụng được máy móc thiết bị, có dòng vốn trả các khoản nợ đến hạn.

Bên cạnh các kết quả đạt, Ban điều hành còn một số tồn tại sau:

- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán một số Công trình còn chậm như: Công trình Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, CT thủy điện Đakđrinh,...

- Công tác thu hồi công nợ chưa quyết liệt, nhất là công nợ có tuổi nợ dài; Chưa giải quyết dứt điểm việc tồn tại các khoản công nợ cá nhân tạm ứng và đưa ra các giải pháp xử lý.

- Công tác quản lý chi phí trên các công trình còn chưa sát sao, chặt chẽ, một số khoản chi phí tăng cao so với dự toán dẫn tới một số công trình thi công không có hiệu quả

- Việc cân đối nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh có lúc còn thiếu, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của các công trình dẫn tới thiếu vốn lưu động cấp cho các công trình và còn tình trạng nợ lương, nợ bảo hiểm, nợ thuế kéo dài nhiều năm, chưa giải quyết được dứt điểm.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông

Trong năm 2020 Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty, cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty.

Đối với cổ đông: Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

C. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Từ việc kiểm tra, giám sát, thẩm định trong năm 2020, Ban kiểm soát kiến nghị Công ty một số kiến nghị sau:

1. Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo giải quyết dứt điểm công tác nghiệm thu thanh quyết toán công trình đã hoàn thành thi công như CT TĐ ĐắkĐrinh, CT Tuyến đường KĐT Thủ Thiêm. Đẩy nhanh công tác thu hồi vốn tại các công trình đang thi công, giảm chi phí dở dang, giảm công nợ phải thu để giảm nguồn vốn vay tín dụng đảm bảo an toàn tài chính của Công ty. Đồng thời đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản nợ lâu năm như khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Licogi 9.1 số tiền gốc 17,2 tỷ và số tiền lãi dự kiến khoảng 23 tỷ, tổng cộng số nợ gốc và lãi là : 40,3 tỷ (nợ phát sinh từ năm 2012), XN SXVLXD Idico trực thuộc Công ty CP ĐTXD&PTVL IDICO số tiền : 10,9 tỷ (phát sinh từ năm 2013), một số khoản nợ của khách hàng mua bê tông đã quá lâu, các khoản nợ khó đòi cần thiết áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty tại Tòa án kinh tế, thuê luật sư để đòi; Công tác phân loại công nợ, tăng cường công tác đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, công nợ cá nhân, nợ tạm ứng... và có các biện pháp tích cực để thu hồi nợ về cho công ty.

Riêng đối với nợ tạm ứng : Yêu cầu BDH làm rõ đối tượng nợ là các đội, cá nhân nào, nội dung tạm ứng phục vụ các công trình nào, đối chiếu công nợ đầy đủ, xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể và phương án thu hồi cụ thể, dứt điểm.

2. Đối với công tác đầu tư: Cần nghiên cứu kỹ thị trường, kỹ thuật, công nghệ,... để xác định nhu cầu đầu tư phù hợp với mục tiêu, khả năng, chiến lược, ... của Công ty, đảm bảo công tác đầu tư được triển khai kịp thời và hiệu quả hơn.

3. Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm việc làm cho năm 2021 và các năm tiếp theo.

4. Đối với Công ty con và Công ty liên kết: Cần tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các Công ty này.

5. Dư nợ phải thu, phải trả, giá trị dở dang của các công trình của Công ty còn cao, vì vậy đề chủ động hơn về vốn phục vụ SXKD, giảm áp lực trả nợ và tránh bớt những rủi ro tiềm ẩn, Ban điều hành Công ty cần có những giải pháp cơ cấu lại các nguồn vốn đưa về mức hợp lý, tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình.

6. Đẩy mạnh hơn nữa các biện pháp nhằm hạ giá thành sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý nhằm tăng hiệu quả hoạt động SXKD.

7. Mở rộng thêm quan hệ với các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn để khai thác vấn đề vốn phục vụ hoạt động SXKD của công ty.

8. Cân đối nguồn vốn để thu xếp trả nợ bảo hiểm, nợ thuế để tránh bị các khoản phạt chậm nộp vì lãi suất phạt cao, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của đơn vị.

D. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát lên kế hoạch công tác với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT Công ty.
2. Tham gia và đóng góp ý kiến hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty.
3. Tổ chức các đợt kiểm tra, kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty để cung cấp thông tin toàn diện, trung thực tới HĐQT cũng như cổ đông về tình hình hoạt động SXKD của đơn vị.
4. Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình SXKD và báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
5. Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện Điều lệ của công ty.
6. Thẩm định báo cáo và các tài liệu khác trước khi trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua

Kính thưa Đại hội!

Năm 2020, Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 triển khai thực hiện kế hoạch SXKD trong điều kiện còn nhiều khó khăn, với những kết quả Công ty đạt được trong năm vừa qua như tìm kiếm công ăn việc làm, chăm lo đời sống CBCNV, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước đã thể hiện sự nỗ lực vượt bậc và sự đoàn kết thống nhất cao của tập thể Cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao thành quả của HĐQT, Ban TGD đạt được trong năm qua và mong muốn HĐQT, Ban TGD tiếp tục phát huy trong năm tới để đảm bảo Công ty phát triển ổn định và bền vững hơn.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, đánh giá và thông qua.

Ban kiểm soát xin kính chúc Quý vị đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và gặt hái được nhiều thành công./.

T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Anh Dũng

TỜ TRÌNH

(V/v: *Phê duyệt Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021*)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

-Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

-Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;

-Căn cứ kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA);

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	180.000	148.184	82,32
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	165.000	140.789	85,33
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.500	1.385	18,47
4	Tổng số phải nộp Ngân sách,	Tr.đồng	17.400	19.808	113,84
5	Tổng quỹ lương (kể cả thuế ngoài)	Tr.đồng	16.000	14.441	90,26
	Tỷ trọng tiền lương/ doanh thu thuần.	%	12	10	83,3
6	Chia cổ tức	%/năm	10	2	20,00
7	Tổng mức đầu tư	Tr.đồng	2.000	1.272	63,60



2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	148.184	190.000
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	140.789	170.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.385	3.100
4	Tổng số phải nộp Ngân sách	Tr.đồng	19.604	17.500
5	Tổng quỹ lương (kể cả thuê ngoài)	Tr.đồng	14.441	15.000
6	Tỷ trọng tiền lương/ doanh thu	%	10	11,3
7	Chia cổ tức	%/năm	2	5
8	Tổng mức đầu tư	Tr.đồng	1.272	2.000

Kính trình ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty chỉ đạo, tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 bao gồm cả việc Quyết định thời điểm, cách thức đầu tư cụ thể trong tổng mức đầu tư nêu trên; Quyết định điều chỉnh một số chỉ tiêu nếu cần thiết và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về kết quả đầu tư này./.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua./

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP
SỐ 9
TP. BIÊN HÒA, T. ĐỒNG NAI
Phan Thanh Hải



TỜ TRÌNH

(V/v: *Phê duyệt thù lao HĐQT, Ban KS, Thụ ký công ty năm 2021*)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất:

1. Thù lao năm 2021 cho thành viên HĐQT và thành viên BKS không chuyên trách (*chưa bao gồm thuế TNCN*):
 - + Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng;
 - + Thành viên HĐQT; Trưởng ban Kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng;
 - + Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng;
 - + Thụ ký HĐQT: 2.000.000 đồng/tháng;
2. Đối với thành viên HĐQT chuyên trách và/hoặc tham gia điều hành; thành viên Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9
3. Thời gian trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS: *Vào cuối mỗi quý*;
4. Ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát bao gồm các chi phí đi lại, ăn ở, chi phí hợp lý khác được chi trả theo phát sinh thực tế và nằm trong ngân sách chi cho hoạt động chung của Công ty trong năm tài chính 2021. Đảm bảo tiết kiệm, hợp lý, phù hợp Điều lệ Công ty, Quy chế tài chính và các chế độ, định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến 2021)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;
- Căn cứ kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA);
- Căn cứ nghị quyết số:/2021/NQ -HĐQT của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 ngày ,, tháng ,, năm 2021.

Hội đồng quản trị CTCP Cơ giới và Xây lắp số 9 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020 của Công ty như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 :

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
	Tổng LN sau thuế chưa phân phối (LNPP _{TH})	1.383.140.981
	Dự kiến phân phối như sau	
	Trích lập quỹ đầu tư phát triển (LNPP _{TH})	0
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (LNPP _{TH})	377.820.981
	Chia cổ tức (VDL x 2%)	1.005.320.000

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm: Chi trả cổ tức và phân chia các quỹ bao gồm cả cách thức và thời gian.

2. Về dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

- Tỷ lệ cổ tức tối thiểu: 5% vốn Điều lệ.
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: Trên cơ sở xem xét tình hình thực tế Hội đồng quản trị sẽ lập phương án trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, /,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải

Số: 31 /2021/TT-HĐQT

Biên Hòa, ngày 08 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và mức phí kiểm toán

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn

Đề xuất danh sách công ty đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp yêu cầu kiểm toán của Công ty

1. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán phía nam (AASCS)
2. Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế (ICPA);

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 từ danh sách công ty kiểm toán nêu trên.

Trường hợp không thống nhất được với công ty kiểm toán trong danh sách này về tiến độ và mức phí dịch vụ kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020 do Bộ Tài chính công bố./.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Thanh Hải

TỜ TRÌNH

*(V/v: Thông qua dự thảo Thay đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty
theo luật doanh nghiệp năm 2020)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn như: “ Dự thảo sửa đổi chi tiết kèm theo”.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn có liên quan; tiến hành các thủ tục cần thiết để ban hành và đăng ký thay đổi Điều lệ theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế quản trị nội bộ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 sửa đổi bổ xung theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ xung các quy chế sau:

- Quy chế hoạt Quản trị nội bộ của Công ty;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty;

“ Dự thảo các quy chế sửa đổi chi tiết kèm theo”

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT, BKS Công ty thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các quy chế này theo thẩm quyền phù hợp với Điều lệ Công ty, các văn bản hướng dẫn có liên quan và thực hiện ban hành theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ
GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /2021/QC-BKS

Biên Hòa, ngày tháng 06 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày tháng năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên (có thể bổ sung đủ số lượng khi cần thiết), nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 2) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 3) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- 4) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- 5) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 6) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

8) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên

Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của

Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Anh Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY
LẬP SỐ 9

*(Sửa đổi, bổ sung lần thứtheo Nghị quyết số/2021/NQ-ĐHĐCD ngày
29/06/2021 của ĐHĐCD)*



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 này được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 ngày 29 tháng 06 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Công ty (*Công ty, Công ty, CÔNG TY*) là Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 ;

1.2. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

1.3. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

1.4. *Cổ phần* là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;

1.5. *Vốn có quyền biểu quyết* là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

1.6. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;

1.7. *Cổ phần đã bán* là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;

1.8. *Cổ phần được quyền chào bán* là tổng số cổ phần các loại mà ĐHĐCĐ quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.

1.9. *Cổ phần chưa bán* là cổ phần được quyền chào bán của Công ty và chưa được thanh toán cho Công ty)

1.10. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

1.11. *Công ty mẹ* là Công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của một công ty khác;

b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một công ty khác;

c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;

1.12. *Công ty con* là doanh nghiệp mà Công ty (i) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông, (ii) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, (iii) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;

1.13. *Công ty liên kết* là công ty có cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty nhưng không đủ điều kiện để trở thành công ty con của Công ty;

1.14. *Doanh nghiệp khác* là doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty;

1.15. *Đơn vị thành viên* là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như: Chi nhánh, văn phòng đại diện ...

1.16. *Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty* là: người được Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, được gọi tắt là Người đại diện.

1.17. *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

1.18. *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;

1.19. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

1.20. *Người Nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng BKS và thành viên BKS (Kiểm soát viên), thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty; người được ủy quyền công bố thông tin;

1.21. *Người có quan hệ gia đình* là những người được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

1.22. *Tổ chức lại Công ty* là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty;

1.23. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua;

1.24. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

1.25. *Luật Doanh nghiệp* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

1.26. *Luật Chứng khoán* có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

1.27. *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.28. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

1.29. *Cổ phiếu* là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn của Công ty;

1.30. *Quyền đề cử* (Bao gồm tự đề cử chính mình) là quyền giới thiệu người vào danh sách đề cử HĐQT, BKS Công ty để ĐHĐCĐ bầu cử;

1.31. *Biểu quyết của cổ đông* là hình thức thực hiện quyền của cổ đông có quyền biểu quyết khi thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

1.32. *Giấy tờ pháp lý của cổ đông cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau: thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

1.33. *Giấy tờ pháp lý của cổ đông tổ chức* là một trong những loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương;

1.34. **ĐHĐCĐ** có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

1.35. **HĐQT** có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty;

1.36. **BKS** có nghĩa là Ban Kiểm soát Công ty.

2. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó;

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng. Các từ hoặc

thuật ngữ đã được định nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy định pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

5. Các tiêu đề (mục, điều) của Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Tên giao dịch quốc tế: Mechanized Construction And Installation Joint Stock Company No 9

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Tên viết tắt: LICOGI 9

2. Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở chính của Công ty

- Địa chỉ: Số 2, đường số 1, Khu Công nghiệp Biên hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên hòa, Tỉnh Đồng nai

- Điện thoại: 02513684576

- Fax: 02513684570

- Email: vanthulicogi9@gmail.com

- Website: <http://www.licogi9.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của ĐHCĐ và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Công ty mở tài khoản bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật. Công ty sẽ thực hiện tất cả các khoản thanh toán

và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản này.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 71 Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1 Tổng Giám đốc là đại diện theo Pháp luật của Công ty; Trong một số trường hợp cụ thể Chủ tịch HĐQT có thể là Người đại diện theo pháp luật nếu được HĐQT chấp thuận. Người đại diện theo pháp luật của Công ty do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và trong các Quy chế quản trị của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người điều hành hoặc người quản lý của Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật chưa trở lại làm việc tại Công ty và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật.

5. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam hoặc vắng mặt tại Công ty quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

7. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với các thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 4. Tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này; tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để Đảng viên, đoàn viên công đoàn và thành viên các tổ chức chính trị - xã hội khác làm việc tại Công ty tham gia hoạt động, thực hiện đầy đủ chế độ sinh hoạt theo Điều lệ và nội quy của các tổ chức này. Đồng thời, trích lập, nộp kinh phí hoạt động của các tổ chức này theo đúng quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 5. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động.

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông tham gia đầu tư vào Công ty. Hoàn thành các nhiệm vụ mà ĐHCĐ thông qua hàng năm.

- Tạo việc làm, thu hút lao động, phát huy quyền làm chủ của người lao động góp phần cho sự phát triển ổn định, bền vững và lâu dài của Công ty.

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh. Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp có Quy mô và uy tín ở Việt nam về sản xuất chuyên ngành vật liệu xây dựng và ngành nghề khác có ưu thế.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và bảo đảm lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo lợi tức cho Cổ đông theo nghị quyết hàng năm đề ra.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty.

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Chi tiết: Xử lý nền móng các loại Công trình	4390
02	Xây dựng nhà các loại: Chi tiết: Xây dựng Công trình dân dụng	4100
03	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Chi tiết: Xây dựng Công trình Công nghiệp	4290
04	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Chi tiết: Xây dựng Công trình giao thông	4210
05	Xây dựng Công trình công ích: Chi tiết: Xây dựng Công trình Thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện	4220
06	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Chi tiết: Thi công các Công trình hệ thống điện lạnh	4322
07	Lắp đặt Hệ thống điện: Chi tiết: Thi công các Công trình Hệ thống thông tin.	4321
08	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: Đầu tư phát triển khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung. Kinh doanh nhà	6810
09	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Chi tiết: Sản xuất, chế biến Vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	2392
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, kết cấu thép	4663
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại: Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở)	2511
12	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất sản phẩm cơ khí (không hoạt động tại Trụ sở)	2599
13	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng: Chi tiết: Sản xuất vật tư thiết bị ngành xây dựng (không hoạt động tại Trụ sở)	2824

14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Chi tiết: Bán buôn sản phẩm cơ khí, Vật tư thiết bị ngành xây dựng	4659
15	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Chi tiết: Kinh doanh khách sạn	5510
16	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Kinh doanh du lịch, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở)	9329
17	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (hoạt động ngoài tỉnh)	0810
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (hoạt động ngoài tỉnh)	0899
19	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	4520
20	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc. Chi tiết: Đóng mới, cải tạo và lắp đặt thùng xe ô tô vận tải (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	2920
21	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
22	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
23	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Pháp luật)	4932
25	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Pháp luật)	4933
26	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng những ngành nghề phù hợp trong Khu công nghiệp I và phải chấp hành thực hiện Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 28/3/2012 về việc di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Công ty có thể bổ sung các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định của Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Công ty có phạm vi kinh doanh và hoạt động ở cả trong và ngoài nước.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được ĐHĐCĐ thông qua là 50.266.000.000 VNĐ (*Năm mươi tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) và được chia thành 5.026.600 (*Năm triệu không trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (*mười nghìn đồng/cổ phần*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thì khoản 1, khoản 2 Điều này mặc nhiên được sửa đổi theo nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ đó.

Công ty có quyền chào bán cổ phần các loại để huy động vốn phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty nếu Công ty bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi hoàn trả cho cổ đông;

b) Mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này;

4. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách

thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

9. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu;

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.

Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- e) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày

kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán cho Công ty mọi chi phí liên quan đến việc cấp lại cổ phiếu. Đề nghị của cổ đông phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b) Cam kết về tính trung thực của thông tin kê khai đề nghị cấp lại cổ phiếu và cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh (nếu có) từ việc cấp lại cổ phiếu mới;

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty và được thực hiện theo quy định tại Điều 124 Luật Doanh nghiệp, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác;

Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần

được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Công ty thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và chào bán cổ phần riêng lẻ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau đây:

a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;

c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận của ĐHĐCĐ.

d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do ĐHĐCĐ quyết định;

Điều 11. Chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Đối với các trường hợp hạn chế chuyển nhượng, Công ty sẽ ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao

dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty và phải thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty và phải thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết phản đối không thông qua nghị quyết, quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại, và phải gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận với cổ đông trên cơ sở giá tham chiếu do Công ty đưa ra tại thời điểm đề nghị mua lại. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng, các bên sẽ sử dụng giá do tổ chức thẩm định giá được chọn là giá mua, bán cổ phần;

Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức theo quy định sau đây:

1. HĐQT quyết định việc mua lại không quá mười phần trăm 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 3 khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua, trừ khi pháp luật có quy định khác. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty thông báo. Chào bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua

lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty;

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 15. Trả cổ tức

1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty;

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản phù hợp khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu chi trả bằng tiền thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một

ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách là cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức; Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông, chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện chi trả cổ tức. Thông báo có các nội dung sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này và phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức, trừ khi pháp luật có quy định khác.

Điều 16. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức trái quy định của pháp luật và Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VÀ CON DẤU**Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát**

Công ty tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát theo mô hình sau đây:

- a) ĐHĐCĐ;
- b) HĐQT;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc.

Điều 18. Dấu của Công ty

1. HĐQT quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, Văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty. Con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu và theo quy định của pháp luật, với nội dung thể hiện tên và mã số doanh nghiệp của Công ty.

2. Việc sử dụng, quản lý và lưu giữ dấu của Công ty, chi nhánh, Văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và theo quy định của pháp luật.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**Điều 19. Cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

a) Nếu cổ đông là tổ chức thì cổ đông đó phải cử một hay nhiều cá nhân đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật. Cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền, các cổ đông còn lại chỉ được ủy quyền cho một (01) người đại diện, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác. Trường hợp cổ đông cử nhiều hơn một Người đại diện theo ủy quyền thì cổ đông phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định cụ thể số cổ phần tương ứng cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần của cổ đông đó sẽ được chia đều cho tất cả Người đại diện theo ủy quyền;

b) Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

phải bằng văn bản và phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
- Số lượng Người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi Người đại diện theo ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng Người đại diện theo ủy quyền;
- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền, trong đó, ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của Người đại diện theo ủy quyền;

c) Việc cử, chấm dứt một Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm cuối cùng trong các thời điểm sau:

- Ngày Công ty nhận được văn bản cử, thay đổi hoặc chấm dứt;
- Ngày khác được ghi cụ thể trong văn bản cử, thay đổi hoặc chấm dứt;

d) Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và không được hưởng thù lao của Công ty về việc thực hiện công việc ủy quyền. Đồng thời, không được ủy quyền tiếp cho người khác (bao gồm cả việc ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ) nếu chưa được sự đồng ý của cổ đông ủy quyền và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình;

e) Mỗi cổ đông phải bảo đảm rằng Người đại diện theo ủy quyền của mình có khả năng và mong muốn hành động với tư cách là đại diện theo ủy quyền trước ĐHĐCĐ và cam kết mình sẽ bảo đảm rằng Người đại diện theo ủy quyền đó sẽ không cố tình vắng mặt hoặc không tham dự ĐHĐCĐ mà không có lý do chính đáng nhằm ngăn cản hoạt động của Công ty;

f) Mỗi cổ đông phải bồi hoàn cho Công ty đối với mọi khiếu nại phát sinh từ hành động sai trái, gian lận, cố ý sai phạm do Người đại diện theo ủy quyền của mình gây ra trong thời gian người đó đại diện cho cổ đông và đối với mọi khiếu nại phát sinh từ việc bãi nhiệm Người đại diện theo ủy quyền khỏi chức vụ của người đó do sự gian lận của Người đại diện theo ủy quyền;

Điều 20. Sở đăng ký cổ đông

1. Công ty có trách nhiệm lập và lưu giữ Sở đăng ký cổ đông theo quy định của

pháp luật kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 21. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- d) Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh

sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết của ĐHĐCĐ;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 12 Điều lệ này và Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

k) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

m) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05 %) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp và trong trường hợp:

- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu (06) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

b) Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn

cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c) Triệu tập ĐHĐCĐ theo khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp khi HĐQT, BKS không thực hiện triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

đ) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Kiến nghị đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết ít nhất một (01) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử;

4. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 22. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản trị nội bộ của Công

ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

2. Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.

5. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

7. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần, thông báo kịp thời về những thay đổi địa chỉ liên lạc, chứng thực cá nhân cho Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT (nếu có) hoặc BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của BKS nếu BKS có lý do tin tưởng rằng:

- Các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

(i) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;

(ii) Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

(iii) Không trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

(v) Vi phạm các quy định tại Điều 59 Điều lệ này.

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

a) HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT (nếu có) hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3). Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

d) Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội;

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.

1. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, Kiểm soát viên phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, bao gồm cả việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, thành lập Công ty con, Công ty liên kết;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính và phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét và xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của HĐQT, BKS;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

2. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên HĐQT, BKS;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm cả việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác, thành lập Công ty con, Công ty liên kết;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; bao gồm:

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không quá năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông thực hiện như sau:

a) Cổ đông liên hệ bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty và xuất trình giấy tờ pháp lý của cổ đông, đồng thời, cung cấp số, ngày đăng ký cổ đông tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và văn bản đề nghị kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ hoặc yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hay bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp (“**Văn bản tra cứu**”). Người được cổ đông tổ chức ủy quyền, giới thiệu phải xuất trình giấy tờ pháp lý của mình và Văn bản tra cứu trong đó, nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày đăng ký cổ đông tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, yêu cầu cụ thể đối với thông tin và họ, tên, thông tin cá nhân người được cổ đông giới thiệu, ủy quyền kiểm tra, tra cứu, nhận

sao chép, trích lục thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông (nếu có);

b) Sau khi kiểm tra tư cách cổ đông, nếu đúng là cổ đông của Công ty thì trong giờ làm việc của đơn vị lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông, bộ phận quan hệ cổ đông của Công ty sẽ tạo điều kiện để cổ đông (hoặc người được cổ đông ủy quyền, giới thiệu) kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Các nhu cầu về trích lục, sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ, sửa đổi thông tin sai lệch, bổ sung thông tin cần thiết về cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ sẽ được Công ty thực hiện trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu nhưng không muộn hơn ngày khai mạc ĐHĐCĐ, trừ trường hợp phải thẩm tra, xác minh sẽ thực hiện sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản, ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc.

3. Trường hợp người triệu tập ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông

trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

3. Thông báo mời họp được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS theo quy định;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Mẫu đề cử người bầu vào thành viên HĐQT, BKS (Nếu có).

4. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp như quy định tại khoản 3 Điều này để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp như sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu

rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền cho người khác dự họp thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người này, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;

c) Các trường hợp khác phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bên ủy quyền chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Bên ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi bốn (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ đến ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thì bên chuyển nhượng vẫn có quyền dự họp ĐHĐCĐ đối với số cổ phần đã chuyển nhượng, trừ trường hợp bên chuyển nhượng ủy quyền dự họp cho bên nhận chuyển nhượng.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐHĐCĐ thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành như sau:

1. Tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo danh sách cổ đông có quyền dự họp trước khi khai mạc cuộc họp. Việc đăng ký phải thực hiện đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc cho thành viên HĐQT còn lại làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp cả Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT đều vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

3. ĐHĐCĐ thông qua chương trình và nội dung họp trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Tại đại hội, việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Những vấn đề biểu quyết bằng thẻ biểu quyết thì số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định; những vấn đề biểu quyết bằng phiếu biểu quyết được ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được quyền đăng ký, có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký; Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;

7. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ ngay cả khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- b) Bảo đảm an toàn cho những người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục) tham dự ĐHĐCĐ;

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, khi xác định địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ, người triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể:

- Thông báo ĐHĐCĐ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của ĐHĐCĐ”);

- Bố trí, tổ chức để cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của ĐHĐCĐ có thể đồng thời tham dự ĐHĐCĐ;

Thông báo về việc tổ chức ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các vấn đề sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a) Định hướng và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;
- b) Bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới;
- c) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

Điều 32. Điều kiện để nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, và 5 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc

lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều này.

5. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Mọi nghị quyết hợp lệ của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trừ các nội dung, vấn đề phải được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ này, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 25 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân

đối với đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua, quyết định.

e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư thì phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó, phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được thay bằng việc đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 34. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký tên trong biên bản họp (trong trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản) phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ được gửi đến tất cả cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu được thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công ty.

6. Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm theo chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản họp (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Hiệu lực của Nghị quyết và yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ

trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 32 Điều lệ này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này;

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của Công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào HĐQT và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty và khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số thành viên do ĐHĐCĐ quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau.

6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;

7. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. HĐQT có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Số lượng thành viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT; số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Khi Công ty trở thành Công ty niêm yết thì phải có thành viên độc lập HĐQT và tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo quy định có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên HĐQT từ 3 đến 5 thành viên;

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT (nếu có) theo nhiệm kỳ của HĐQT, không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập (nếu có) không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

Thành viên HĐQT có thể đương nhiên bị mất tư cách, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc được ĐHĐCĐ bầu bổ sung hay thay thế thành viên đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ; khi đó, nhiệm kỳ của thành

viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

3. Trường hợp có thành viên độc lập, các giấy tờ, giao dịch của Công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên HĐQT tương ứng.

4. Số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT, phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quản trị Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, bảo đảm vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 13 Điều lệ này;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10 % tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 24, khoản 1 và khoản 3 Điều 59 Điều lệ này;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty hoặc các chức danh tương đương theo quy định

của Điều lệ này và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và quyền lợi khác của những đối tượng này; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia HĐQT hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Chấp thuận bằng văn bản để Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Trưởng phòng hoặc chức danh tương đương (Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị phụ thuộc) theo đề nghị của Tổng giám đốc.

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, thoái vốn tại doanh nghiệp khác trên cơ sở nghị quyết của ĐHĐCĐ;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

o) Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và BKS hoặc những vấn đề đã phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc;

p) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r) Kiến nghị việc Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

s) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này.

x) HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc qua fax, thư điện tử theo nguyên tắc đa số. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 39. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật;

d) Không đồng thời là thành viên BKS của Công ty nhưng có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác, nhưng không quá năm (05) Công ty khác;

e) Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty trong từng thời kỳ.

2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ này.

3. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; không phải là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

4. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT sẽ đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên HĐQT đó là Người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

b) Mất tư cách là Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

2. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

4. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

5. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách hoặc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách thành viên HĐQT, thành viên đó vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

6. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo cách mà HĐQT thấy phù hợp để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT (nếu có) giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, mất tư cách thành viên HĐQT tại cuộc họp gần nhất.

Điều 41. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc thì phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Phó Chủ tịch HĐQT có thể là thành viên không tham gia điều hành Công ty.

ĐHĐCĐ có quyền phủ quyết kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật nếu xét thấy không phù hợp và vì lợi ích của Công ty.

3. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, trong đó, nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT được thể hiện dưới dạng văn bản, có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT hoặc để lấy ý kiến của các thành viên HĐQT; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp HĐQT;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, bao gồm cả việc giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và các công việc được phân công;

đ) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ;

f) Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian tối thiểu cần thiết để nghiên cứu, thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;

g) Đảm bảo rằng người lao động của Công ty có thể báo cáo với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên độc lập HĐQT về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy tắc đạo đức của doanh nghiệp;

h) Ủy quyền, phân công cho Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên khác của HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Phó Chủ tịch HĐQT là người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Phó Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì Chủ tịch HĐQT phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

6. HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép và lập các biên bản họp;

b) Hỗ trợ Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

f) Đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

g) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

Điều 42. Cuộc họp của HĐQT

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT và trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) Người quản lý khác của Công ty;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của HĐQT;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Trừ cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã đăng ký với Công ty.

Riêng đối với cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ HĐQT, người triệu tập và chủ trì quy định tại khoản 1 Điều này chỉ cần thông báo cho các thành viên ít nhất trước hai (02) giờ làm việc sau khi có kết quả bầu thành viên HĐQT của ĐHCĐ.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với thành viên HĐQT.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư ($\frac{3}{4}$) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc mà việc tổ chức và tiến hành được thực hiện một cách hợp lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp đó trong biên bản họp HĐQT.

11. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT còn lại chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc của chủ tọa cuộc họp.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý doanh nghiệp do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng quyết định của HĐQT.

Điều 44. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc ký hợp đồng với một người khác làm Tổng Giám đốc, trong đó quy định tiền lương, thưởng, lợi ích khác và các điều khoản có liên quan.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 46 Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế của Công ty - thông lệ quản lý tốt nhất mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và của HĐQT; Ngoại trừ trường hợp ký kết hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, bảo lãnh, thế chấp phải được sự uỷ quyền hoặc theo phân cấp của HĐQT;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT thông qua;

d) Đề xuất, kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Ban hành các quy định nội bộ để vận hành hệ thống điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ này và trong phạm vi phân cấp, uỷ quyền của HĐQT;

đ) Đề xuất để HĐQT quyết định số lượng cần thiết, nhân sự cụ thể để HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Người quản lý Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt; tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với Người quản lý Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng phòng hoặc các chức danh tương đương (Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị hạch toán phụ thuộc) sau khi có văn bản chấp thuận của HĐQT; bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ và HĐQT;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và trong phạm vi ngân sách đã được HĐQT phê duyệt;

g) Ký hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo phân cấp, ủy quyền cụ thể của HĐQT hoặc theo quy chế nội bộ của Công ty;

h) Tuyển dụng lao động trong phạm vi định biên, kế hoạch lao động đã được HĐQT phê duyệt hằng năm;

i) Đề xuất, kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, BKS và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;

l) Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh...và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT Công ty;

n. Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của HĐQT, BKS;

m) Chậm nhất vào ngày 31 tháng 11 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo phù hợp kế hoạch tài chính năm (05) năm của Công ty.

m) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của HĐQT và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 46. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm trong quản trị, điều hành doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh chính của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của Công ty;

3. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, kiểm

soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty Mẹ.

4. Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật.

5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 47. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật..

2. Các phòng, ban, văn phòng đại diện, đơn vị khác được thành lập để giúp HĐQT và Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản trị, điều hành phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc được quy định cho từng đơn vị, từng thời điểm phù hợp.

3. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước HĐQT và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về kế toán. Kế toán trưởng không được kiêm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

5. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác của Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ, nhân viên, người lao động được quy định trong các quy chế về lao động, tiền lương của Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Thành phần, nhiệm kỳ BKS; ứng cử, đề cử thành viên BKS; quyền và nghĩa vụ của BKS

1. BKS do ĐHCĐ bầu ra, để thay mặt cho cổ đông kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước pháp luật và ĐHCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. BKS có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó, hơn một nửa số Kiểm soát viên phải thường trú tại Việt Nam. Nhiệm kỳ của BKS là năm (05) năm, nhiệm kỳ

của kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng Kiểm soát viên cụ thể của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định, bảo đảm phù hợp yêu cầu quản trị, chiến lược phát triển và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

3. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:

a) Quyền ứng cử, đề cử, cách thức biểu quyết và nguyên tắc trúng cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như quy định như đối với thành viên HĐQT quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

b) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng cử viên phải được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (Bao gồm cả các chức vụ thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và các chức danh lãnh đạo, quản lý của Công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có);
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, các chức danh quản lý khác và lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có);

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS hoặc Quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm soát viên có thể đương nhiên bị mất tư cách, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc được ĐHĐCĐ bầu bổ sung hay thay thế Kiểm soát viên đương nhiên bị

mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ; khi đó, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

6. BKS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty cũng như việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

b) Giám sát tình hình tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính tại Công ty;

c) Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

đ) Rà soát, kiểm tra, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này;

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại điểm này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

k) Xây dựng quy chế hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua;

l) Báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên với nội dung theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

n) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

m) Có quyền yêu cầu HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

o) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;

p) Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và cổ đông lớn của Công ty;

r) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

s) Có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của ĐHĐCĐ;

Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp, tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, với ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực xây dựng, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng.

3. Không được là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty. Không được là người đại diện phần vốn của Công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, Người quản lý doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết của Công ty.

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

6. Không phải là nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Công ty là Người quản lý hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

7. Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, trung thực và hiểu biết pháp luật.

8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau đây:

a) Mất năng lực hành vi dân sự;

b) Chết, mất tích;

c) Bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

d) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Kiểm soát viên đó là Người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;

e) Cổ đông là tổ chức hủy bỏ/chấm dứt tư cách Người đại diện theo ủy quyền của Kiểm soát viên đó;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

2. ĐHCĐ miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định Điều 49 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

3. ĐHĐCĐ bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

4. Trường hợp khuyết Kiểm soát viên mà các Kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính, kế toán, Trưởng BKS đề nghị HĐQT lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung.

5. Trường hợp Trưởng BKS đương nhiên bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, các Kiểm soát viên còn lại có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu Trưởng BKS mới trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất sẽ bầu Kiểm soát viên mới thay thế cho Kiểm soát viên đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung Kiểm soát viên còn thiếu.

Điều 51. Trưởng BKS

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị chương trình các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả Kiểm soát viên liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của BKS quy định tại khoản 6 Điều 48 Điều lệ này;

b) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của BKS;

c) Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

d) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ;

đ) Thay mặt BKS yêu cầu HĐQT họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của BKS;

e) Thay mặt BKS triệu tập, chủ trì các cuộc họp bất thường của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

f) Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Kiểm soát viên theo Quy chế hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua. Giám sát, chỉ đạo các Kiểm soát viên trong việc thực hiện những công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;

h) Đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian tối thiểu cần thiết để nghiên cứu, thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét;

i) Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

k) Các trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này;

l) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Điều 52. Quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, theo đúng phân công của Trưởng BKS và tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của Công ty trong phạm vi lĩnh vực được Trưởng BKS phân công, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng BKS.
6. Tham dự các cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung của cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp HĐQT nếu ý kiến đó khác với quyết định của HĐQT và được báo cáo trực tiếp lên ĐHĐCĐ.
8. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp bất thường BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
9. Yêu cầu HĐQT họp bất thường hoặc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
10. Yêu cầu Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của mình.
11. Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
12. Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 đến khoản 11 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
13. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 53. Cuộc họp của BKS

1. Trưởng BKS được bầu trong cuộc họp đầu tiên của mỗi nhiệm kỳ BKS và trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Kiểm soát viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp BKS.
2. Cuộc họp của BKS do Trưởng BKS triệu tập khi xét thấy cần thiết, ít nhất hai (02) lần trong một năm tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trường BKS phải triệu tập họp BKS khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;
- b) Có đề nghị của ít nhất hai phần ba ($\frac{2}{3}$) số thành viên HĐQT hoặc BKS;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của BKS.

4. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Trường BKS phải triệu tập họp BKS trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Trường BKS không triệu tập họp BKS theo đề nghị thì Trường BKS phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế BKS triệu tập họp BKS.

5. Trường BKS hoặc người triệu tập họp BKS phải gửi thông báo mời họp chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Kiểm soát viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc đã đăng ký với Công ty của từng Kiểm soát viên.

6. Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ hai phần ba ($\frac{2}{3}$) tổng số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số Kiểm soát viên dự họp.

7. Kiểm soát viên được coi là tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 8 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Nếu pháp luật không có quy định khác, trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến

cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Trưởng BKS chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số Kiểm soát viên dự họp có quyền tham gia biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS.

Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Số lượng Kiểm soát viên tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải từ hai phần ba ($\frac{2}{3}$) số lượng Kiểm soát viên trở lên của BKS.

8. Kiểm soát viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của BKS. Kiểm soát viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số Kiểm soát viên còn lại chấp thuận.

9. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần nắm rõ.

X. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 54. Tiền lương, thù lao, lợi ích khác của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT; trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh; trả lương, thù lao, thưởng cho Kiểm soát viên theo quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

- Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.

4. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao quy định tại khoản 2 và 3 Điều này và các chi phí quy định tại các khoản này phải nằm trong tổng ngân sách hoạt động hàng năm của HĐQT và BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

5. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.

6. Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của Tổng giám đốc và người điều hành khác, tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 55. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ đối với Công ty.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty tạo điều kiện để những người quy định tại tiết c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như đối với thông tin trên Sổ cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này;

5. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 56. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác

Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT (nếu có) một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

1. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

c) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

d) Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

đ) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

- Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

2. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

a) Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý theo quy định của pháp luật và điều lệ này sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù thiệt hại, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

b) Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao

nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

- Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

c) Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là là mức hợp lý (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 57. Quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của Người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều 56 Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này hoặc nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 58. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận

1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối

tượng có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ;

b) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này;

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên của hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận thuận khi có số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 59. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

HĐQT, BKS có quyền thuê nhân viên tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng chính chi phí của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ Người quản lý nào.

XII. TRÌNH BÁO CÁO HẰNG NĂM, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, HĐQT chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình ĐHĐCĐ thường niên:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của BKS.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại các điểm a,b,c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Báo cáo quy định tại các điểm a,b,c khoản 1 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 61. Công khai thông tin

1. Công ty lập báo cáo tài chính hằng năm và phải được kiểm toán, lập báo cáo tài chính bán niên đã soát xét, báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đồng thời nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm

quyền.

2. Công ty công bố trên website của mình các thông tin sau đây:

- a) Điều lệ Công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHCĐ thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của HĐQT và BKS;

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, khi chưa niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đóng trụ sở chính chậm nhất ba (03) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

4. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán đối với Công ty đại chúng.

XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 62. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc các quy định hành chính khác giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay Người quản lý khác của Công ty;

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hoà giải trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ

khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIV. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 63. Lao động và công đoàn

1. Tất cả các vấn đề liên quan đến người lao động của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và ngày nghỉ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động phải được ghi nhận tại Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

- Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức công đoàn đại diện tập thể người lao động nắm giữ số cổ phần mua ưu đãi theo quy định của pháp luật khi Công ty bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Người đại diện của tổ chức công đoàn Công ty có quyền và trách nhiệm của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này tương ứng với số cổ phần nắm giữ.

XV. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 64. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty (Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài ...) do Công ty thành lập phù hợp với Nghị quyết của ĐHCĐ hoặc HĐQT thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán kế toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo phân cấp, ủy quyền của Công ty theo các quy chế, quy định riêng biệt của Công ty;

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty do Tổng Giám đốc xây dựng và trình HĐQT phê duyệt.

3. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với những đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Quan hệ với công ty con, công ty liên kết

1. Mọi quan hệ giữa Công ty với các công ty con của Công ty

1. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào công ty con

2. Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định khung tiền lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện. Kiểm tra, giám sát đánh giá đối với Người đại diện. Kiểm tra, giám sát công ty con theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Khoản 4 Điều này báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, kết quả kinh doanh của công ty con.

4. Sau khi Người đại diện báo cáo và được sự chấp thuận của HĐQT Công ty, Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện biểu quyết tại ĐHĐCD/HĐQT để quyết định các nội dung sau của công ty con:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT/Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp. Khung tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của các chức danh nêu trên

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;

f) Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

g) Chủ trương đầu tư, mua/bán tài sản, hợp đồng vay/cho vay theo Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

h) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

i) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

5. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo quy định của pháp luật và Công ty về việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Các vấn đề khác theo Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Mối quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại công ty liên kết; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào công ty liên kết.

b) Chỉ định Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại công ty liên kết; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c) Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác.

3. Doanh nghiệp tự nguyện tham gia liên kết với Công ty

Doanh nghiệp tự nguyện tham gia liên kết với Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật chịu sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng hoặc theo thoả thuận liên kết giữa doanh nghiệp đó với Công ty.

XVI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.

Điều 66. Phân phối lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh.

1. Hằng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng) để lập các quỹ, việc lập và tỷ lệ trích các quỹ theo đề nghị của HĐQT, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và được ĐHĐCĐ thông qua.

2. HĐQT có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ:

a) Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và Kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo;

b) Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh lỗ trên báo cáo tài chính năm thì được chuyển số lỗ đó sang năm tài chính tiếp theo; số lỗ này được trừ vào

thu nhập tính thuế theo quy định của pháp luật, trong đó, thời gian được chuyển lỗ không quá năm (05) năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ, trừ khi pháp luật có quy định khác.

4. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XVII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 67. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính, chế độ kế toán.

1. Tài khoản ngân hàng.

a) Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

b) Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản Ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật;

c) Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

3. Chế độ kế toán

a) Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận;

b) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

c) Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XVIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ KIỂM TOÁN.

Điều 68. Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin.

1. Báo cáo tài chính năm

a) Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được

kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty là một Công ty mẹ nên ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

c) Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty còn phải lập các báo cáo sau đây:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - Công ty con theo quy định của pháp luật về kế toán;

- Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty mẹ - Công ty;

- Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty mẹ - Công ty.

d) Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm e Khoản này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

e) Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

g) Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty, của các công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ - Công ty phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam.

h) Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty.

k) Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên của Công ty phải được công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty.

l). Các tổ chức, cá nhân được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

2. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 69. Kiểm toán.

1. HĐQT thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XIX. GIẢI THỂ

Điều 70. Các trường hợp và điều kiện giải thể

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác. Trường hợp này, trình tự, thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;

2. Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, đồng thời, không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

Điều 71. Trình tự, thủ tục giải thể và thanh lý

1. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện như sau:

Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty, trong đó, thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt quá sáu (06) tháng kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định giải thể, trừ trường hợp pháp luật có quy định

khác;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

e) Họ, tên, chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

2. Sau khi có nghị quyết, quyết định giải thể, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó có hai (02) thành viên do ĐHCĐ chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty; đăng nghị quyết, quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến mục (d) trên đây được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan

dăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

XX. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 72. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 73. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Công ty, các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và BKS là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung lần thứ 5 này được ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Công ty nhất trí thông qua ngày 21 tháng 06 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này.

3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

4. Điều lệ gồm XX mục, 73 điều, được lập thành 09 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 bản nộp Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- b) 08 bản lưu tại Công ty;

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

7. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định quản trị nội bộ của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Phó chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo pháp

lệnh của Công ty.

Đồng Nai, ngày tháng ... năm 2021

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Chủ tịch
Phan Thanh Hải**